Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 18.12.2019 09:35:46 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 470 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 17 tháng 12 năm 2019*

BÁO CÁO
Làm việc với Đoàn công tác của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ TÂY NINH

Tây Ninh thuộc vùng Đông Nam Bộ, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nằm giữa vùng cao nguyên Nam Trung Bộ với đồng bằng sông Cửu Long, tọa độ của tỉnh từ $10^0$57'08'' đến $11^0$46'36'' vĩ độ Bắc và từ $105^0$48'43" đến $106^0$22'48'' kinh độ Đông. Phía Đông giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía Nam và Đông Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, phía Bắc và Tây Bắc giáp Campuchia, diện tích 4.041,25 Km^2; dân số 1.169.165 người, mật độ bình quân toàn tỉnh 273,83 người/km^2.

Là một trong các tỉnh có vị trí địa lý thuận lợi để hợp tác và phát triển với các tỉnh giáp biên của Campuchia với có 240km đường biên giới và 16 cửa khẩu tiếp giáp với Campuchia, gồm: có 02 cửa khẩu Quốc tế là Mộc Bài và Xa Mát, 03 cửa khẩu chính (Chàng Riệc, Kà Tum, Phước Tân) và 11 cửa khẩu phụ và nhiều đường ngang lối mở. Ngoài ra, ngày 03/12/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 111/NQ-CP phê duyệt nâng cấp cửa khẩu phụ Tân Nam lên thành cửa khẩu quốc tế; tỉnh Tây Ninh sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan, triển khai thực hiện các thủ tục nâng cấp cửa khẩu Tân Nam, hoàn thiện công tác xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí lực lượng, thiết bị phù hợp tại cửa khẩu. Các cửa khẩu này góp phần rất lớn vào việc thúc đẩy thương mại biên giới phát triển, cùng với mối quan hệ truyền thống, hợp tác hữu nghị, láng giềng, gắn bó lâu dài tạo thuận lợi cơ bản cho công tác hợp tác với Campuchia của địa phương.

II. TÓM TẮT KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TÂY NINH

1. Kết quả thực hiện năm 2019

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Năm 2019, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức song với sự tập trung lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo điều hành tập trung, quyết liệt của UBND tỉnh, cùng với nỗ lực của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân, sự năng động sáng tạo của các thành phần kinh tế, đặc biệt là các Chương trình đột phát đã và đang tạo ra sự chuyển biến đồng bộ. KTXH của tỉnh tiếp tục phát triển toàn diện, khởi sắc, có mặt phát triển vượt bật, cụ thể như sau:

Về kinh tế - xã hội, đến thời điểm này, tỉnh Tây Ninh cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh tế-xã hội năm 2019, tỉnh đã hoàn thành 19/20 chỉ tiêu đề ra (giá trị nông-lâm-thủy sản chưa đạt), trong đó có 12/20 chỉ tiêu vượt kế hoạch; các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, nhất là lĩnh

vực công nghiệp, dịch vụ đã góp phần gia tăng chỉ số GRDP, đây cũng là năm có mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm trở lại đây, đạt 56.371 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn đạt 33.962 tỷ đồng, tăng so với kế hoạch đề ra (chiếm 42,7% so với GRDP; mức bình quân chung cả nước: 33,8%). Công tác thu ngân sách từng bước được đổi mới, ổn định, nhiều năm liền số thu tăng liên tục và vượt chỉ tiêu Trung ương, Hội đồng Nhân dân tỉnh giao, số thu năm sau luôn cao hơn năm trước: năm 2015 chỉ thu được 5.400 tỷ đồng thì đến năm 2019 ước đạt 9.366 tỷ đồng tăng 1,7 lần so với 2015 và gần 3 lần so với năm 2010, đã giúp cho địa phương có điều kiện thực hiện tốt các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh.

1.2. Thu hút đầu tư

Môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh đã được cải thiệt rất rõ nét, thu hút được các dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, an toàn thân thiện môi trường, thu hút FDI đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 150% (xếp thứ 6/63 tỉnh thành), Phát triển Doanh nghiệp tăng đáng kể, cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 657 doanh nghiệp (tăng 16,7% so với cùng kỳ về số doanh nghiệp, tăng 1,1 lần về vốn đăng ký) đã cho thấy môi trường đầu tư của địa phương tiếp tục được cải thiện, các doanh nghiệp tin tưởng, yên tâm khi đầu tư ở Tây Ninh, nhiều dự án được tăng vốn, tăng quy mô sản xuất, là địa phương 5 năm liền trong top 10 tỉnh, thành phố thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhiều nhất nước. Song song đó, thu hút được nhiều dự án thương mại, siêu thị góp phần thay đổi rõ nét bộ mặt đô thị. Hệ thống siêu thị phủ khắp các huyện, thành phố như: Hệ thống Siêu thị CoopMart đến cuối năm 2019 sẽ có 09 siêu thị (Phước Đông, Gò Dầu, Trảng Bàng, Thành phố, CoopMart SCA, Châu Thành, Tân Châu, Tân Biên, Dương Minh Châu), 05 cửa hàng Vinmart, 35 cửa hàng Bách Hóa Xanh và nhiều cửa hàng tiện lợi khác, hàng hóa đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân và bình ổn thị trường.

1.3. Huy động nguồn lực

Huy động nhiều nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng giao thông huyết mạch, có tính kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế, trong đó đáng mừng là Dự án cao tốc TP. HCM- Mộc Bài được Trung ương thống nhất giao Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Tây Ninh triển khai đầu tư và đang khẩn trương thực hiện các thủ tục để khởi công xây dựng; dự án cao tốc Gò Dầu - Xa Mát đang được Bộ Giao thông Vận tải trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào quy hoạch hệ thống đường cao tốc Việt Nam; tiếp tục triển khai thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường tỉnh 782-784, Đất sét - Bến Củi để kết nối với tỉnh Bình Dương, khi các dự án này hoàn thành sẽ phát huy tốt nhất các tiềm năng lợi thế của tỉnh trong tương lai gần.

1.4. Tài nguyên và môi trường

Công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường luôn được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, nhất là trong công tác chấn chỉnh việc khai thác cát, bảo vệ nguồn

nước, đã khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Siết chặt, tăng cường công tác quản lý đất đai, chuyển mục đích sự dụng đất trái phép, ngăn chặn không phát sinh tình trạng phân lô bán nền trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự. Chất thải rắn, chất thải nguy hại và chất thải y tế được quản lý tốt hơn thông qua các hoạt động kiểm soát nguồn phát thải, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và đầu tư các công trình xử lý chất thải đạt quy chuẩn về môi trường. Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom xử lý đạt 100%. Chất thải nguy hại từ công nghiệp và y tế được phân loại, thu gom và xử lý triệt để. Cơ bản các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn môi trường.

1.5. Văn hóa - xã hội

Có bước chuyển biến tích cực, đặc biệt đã tổ chức thành công ngày Tây Ninh tại Hà Nội, qua đó góp phần quảng bá hình ảnh quê hương, con người Tây Ninh với cả nước. Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội; công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, vệ sinh, an toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện và đạt kết quả quan trọng. Tỷ lệ hộ nghèo chung giảm 2,63% so với năm 2015 (năm 2016 giảm 0,14%; năm 2017 giảm 0,7%; năm 2018 giảm 0,94%; năm 2019, giảm 0,85%), là một trong 5 tỉnh, thành phố có tỷ lệ tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp nhất nước, năm 2019 giảm còn 1,69%, và thuộc nhóm tỉnh, thành phố có số hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp nhất của cả nước (sau:Bà Rịa - Vũng Tàu, Hà Nội, Đồng Nai, TP HCM), với 5.267 hộ; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,5% và bảo hiểm xã hội đứng thứ 16/63 tỉnh, thành phố trong cả nước thực hiện tốt công tác này.Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 42/80 xã, vượt kế hoạch đề ra. Các chương trình, chính sách tôn giáo, dân tộc đều được triển khai thực hiện đúng mục tiêu, đúng địa bàn, đúng đối tượng và hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế, ổn định xã hội vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số; Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Tây Ninh lần thứ III.

1.6. Cải cách hành chính

Trung tâm Hành chính công tỉnh đi vào hoạt động và đạt nhiều kết quả tích cực, đưa toàn bộ thủ tục hành chính của các sở, ngành tỉnh (trừ các TTHC đặc thù) vào tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm, kéo giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn còn 0,98%, là tỉnh đầu tiên bổ sung cách thức mới tiếp nhận một số thủ tục hành chính đơn giản qua mạng xã hội Zalo, góp phần giảm chi phí và thời gian cho nhân dân, doanh nghiệp. Kết quả tổng hợp Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2018, Tây Ninh xếp hạng thứ 14/63 tỉnh, thành với 64,54/100 điểm (tăng 5 bậc so với năm 2017), đứng thứ 3/6 tỉnh, thành phố vùng Đông Nam bộ và đứng 4/8 tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm phía nam.

Các cấp chính quyền đã thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đúng chỉ đạo của Trung ương, quy định của pháp luật trong chỉ đạo, điều hành. Tổ chức bộ máy, nhân sự, hệ thống chính quyền, cơ quan tham mưu được củng cố, kiện toàn kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

1.7. Quốc phòng, an ninh

Quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự an toàn xã hội được giữ vững, chú trọng xây dựng khu vực phòng thủ, quyết liệt đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, triệt phá nhiều vụ án ma túy lớn, tai nạn giao thông giảm cả 03 tiêu chí; công tác thi hành án dân sự đạt nhiều tiến bộ. Công tác đối ngoại được đặc biệt quan tâm, chú trọng việc xây dựng mối quan hệ hợp tác truyền thống với các địa phương trong và ngoài nước. Đặc biệt đã tham gia góp ý Hiệp ước, Nghị định thư giữa Chính phủ Việt Nam với Campuchia về phân giới, cắm mốc biên giới đất liền. Nhiều vấn đề bức xúc của Nhân dân được giải quyết, đã giải quyết cơ bản số vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

2.1 Về phát triển hạ tầng giao thông

- Phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải, các đơn vị thuộc bộ và đơn vị tư vấn xây dựng quy hoạch Quốc gia, quy hoạch ngành theo Luật Quy hoạch. Đồng thời, tổ chức xây dựng nhanh Quy hoạch tỉnh.

- Chủ động, tích cực phối kết hợp với các Bộ, ngành Trung ương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn, như: hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đường Tuần tra biên giới, dự án chữa sửa QL.22B,... Đồng thời, tổ chức thi công hoàn thành 18 cầu thuộc dự án LRAMP.

- Tiếp tục phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Bình Phước để nghiên cứu phát triển giao thông vận tải kết nối giữa các địa phương và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gắn với quy hoạch Vùng, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch tỉnh. Trong đó: đẩy nhanh tiến độ đầu tư đường kết nối từ ngã ba Đất Sét (Tây Ninh) đến ĐT.744 (Bình Dương).

- Dự án cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài: Thực hiện nhanh Tiểu dự án bồi thường GPMB trên địa bàn tỉnh, dự kiến đến tháng 3/2020, hai địa phương sẽ triển khai thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; phối hợp với Sở GTVT Thành phố Chí Minh đẩy nhanh tiến độ lập báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, triển khai thực hiện dự án theo đúng Kế hoạch đã được ký kết giữa hai địa phương. Đồng thời, đề nghị Bộ Giao thông Vận tải tiếp tục quan tâm, hỗ trợ, hướng dẫn hai địa phương trong việc thực hiện các thủ tục theo quy định để triển khai đầu tư dự án theo đúng tiến độ đề ra.

- Đối với các quy hoạch tỉnh đang đề xuất Trung ương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch: Tổ chức kêu gọi đầu tư dự án cao tốc Gò Dầu - Xa Mát (trường hợp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kêu gọi đầu tư, thực hiện dự án), dự án Trung tâm Logistics, cụm cảng cạn ICD, cảng thuỷ nội địa; các dự án hạ tầng giao thông đáp ứng điều kiện đầu tư theo hình thức PPP.

- Tổ chức đầu tư hoàn thành kế hoạch năm 2020 góp phần thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, đồng thời xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2.2. Về Công nghiệp – dịch vụ, Nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục phát triển các khu công nghiệp, năng cao hoạt động thu hút đầu tư vào các khu kinh tế cửa khẩu theo hướng gắn với đô thị, dịch vụ, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, công nghiệp hỗ trợ, thân thiện với môi trường, ít phát thải, tiết kiệm năng lượng, đất đai, lao động, công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, chú trọng thu hút đầu tư các dự án lớn, có chất lượng, công nghệ hiện đại và có sức lan tỏa. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các quy hoạch về du lịch đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, tăng cường kết nối và phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng; khuyến khích mở rộng hoạt động thương mại - dịch vụ phong phú, chất lượng, tạo điều kiện cho người dân có nhiều lựa chọn và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, tăng tỷ trọng giá trị chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Từng bước phát triển nông nghiệp gắn với du lịch nâng cao thu nhập, đời sống vật chất của dân cư nông thôn theo kế hoạch xây dựng nông thôn mới và nông nghiệp - nông dân - nông thôn. Lựa chọn triển khai xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; chương trình mỗi xã một sản phẩm.

2.3. Về thu, chi ngân sách

Chủ động khai thác những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế để kịp thời quản lý hiệu quả, đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, số nợ thuế; đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn thu, từng khu vực thu, từng sắc thuế và có phương án thu kịp thời, dự báo thu hàng tháng, hàng quý sát với thực tế phát sinh, quyết tâm, nỗ lực phấn đấu đạt mục tiêu thu ngân sách 10.000 tỷ đồng và tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 trên 9%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đặt ra giai đoạn 2016-2020. Chi ngân sách nhà nước tiết kiệm hiệu quả, giảm chi thường xuyên, tập trung ngân sách cho đầu tư phát triển (chi thường xuyên 2019 là 66,77%, năm 2020 còn 58,5% giảm 8,27%).

2.4. Về tài nguyên, môi trường

Thực hiện đúng các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên, khoáng sản và cấp phép khai thác đúng theo quy hoạch đồng thời quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác tài nguyên. Vận hành quản lý và giám sát tốt mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh, kiểm soát chặt chẽ xử lý rác thải, nước thải, các nguồn xả thải, cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; nâng cao công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức về tác hại chất thải nhựa và tích cực hưởng ứng phong trào "Chống rác thải nhựa", từ bỏ thói quen dùng túi nilon sử dụng một lần. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ

các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, tài nguyên khoáng sản và môi trường.

2.5. Về giáo dục, y tế, văn hóa xã hội

Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; thực hiện đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các chính sách bảo trợ xã hội. Tập trung giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều,thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ các chính sách để hỗ trợ các hộ nghèo thoát nghèo, trong đó có chính sách vừa được Hội đồng Nhân dân tỉnh thông qua và đối với các hộ nghèo còn lại triển khai thực hiện các giải pháp, chính sách cụ thể theo điều kiện, khả năng của từng hộ để vươn lên ổn định và có mức sống trung bình của người dân, đồng thời giao chỉ tiêu cho các huyện, thành phố thực hiện phấn đấu đến năm 2020 Tây Ninh không còn hộ nghèo theo chuẩn Trung ương. Duy trì và nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ cùng nhau phát triển, phấn đấu nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số.

2.6. Quốc phòng - an ninh

Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng trong khu vực phòng thủ, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Nâng hiệu quả hoạt động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã. Giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh ngay tại cơ sở. Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tăng cường phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm nhất là tội phạm ma túy.

Ủy ban Nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo quyết liệt bằng nhiều giải pháp đồng bộ về phòng, chống ma túy, quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy, tiếp tục thực hiện nâng cấp cơ sở cai nghiện của tỉnh để đáp ứng tốt hơn công tác cai nghiện tập trung, đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao trách nhiệm trong quản lý, giáo dục của chính quyền cơ sở, của từng gia đình có người nghiện trong điều trị cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, chỉ đạo lực lượng chức năng tăng cường đấu tranh phòng, chống ma túy, tập trung triệt phá các tụ điểm mua bán, sử dụng ma túy. Để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải có sự nỗ lực chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của người dân,cũng như tiếp tục kiến nghị với Trung ương tháo gỡ những khó khăn, bất cập hiện nay.

II. TỔNG QUAN VỀ HIỆN TRẠNG VÀ QUY HOẠCH KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH TÂY NINH

1. Đường bộ

1.1. Hiện trạng: Mạng lưới đường bộ trên địa bàn hiện có: **8.246**km, trong đó:

1.1.1. Đường bộ Trung ương quản lý trên địa bàn: có 03 tuyến quốc lộ gồm: đường Xuyên Á (QL.22), QL.22B, QL.22B kéo dài (Tổng cục Đường bộ Việt Nam uỷ thác cho Sở GTVT quản lý từ năm 2017) với tổng chiều dài 132,21km. Ngoài ra còn có tuyến đường Hồ Chí Minh đầu tư chưa hoàn chỉnh.

1.1.2. Đường địa phương quản lý: Đường tỉnh có 35 tuyến với tổng chiều dài 727,15km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 98,24%; đường trục chính đô thị dài 375km, tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 74%; còn lại hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng với tổng chiều dài 7.011,64km.

1.2. Định hướng quy hoạch

Có các tuyến kết nối Tây Ninh với các tỉnh trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam sau:

1.2.1. Đường bộ

- Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài: Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận chủ trương giao UBND thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai dự tại Văn bản số 1351/TTg-CN ngày 14/10/2019. Hiện thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh đang khẩn trương hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và các trình tự về bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hoà: Đã đầu tư phần nền đường đoạn từ giáp tỉnh Bình Dương đến QL.22 và hoàn chỉnh phần nút giao với QL.22 (cuối năm 2018). Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ giao Bộ GTVT thu xếp nguồn vốn để đầu tư (Văn bản số 5112/VPCP-CN ngày 12/6/2019 của Văn phòng Chính phủ)

- Cao tốc Gò Dầu – Thành phố Tây Ninh - Xa Mát: Bộ Giao thông Vận tải đã có Tờ trình số 10032/TTr-BGTVT ngày 23/10/2019 trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

1.2.2. Đường sắt

Quy hoạch có tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh (từ Tân Chánh Hiệp đến Trảng Bàng) kéo dài đến Mộc Bài và Xa Mát.

2. Đường thuỷ nội địa

Theo điều chỉnh Quy hoạch Tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Viêt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/4/2013 (điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 4360/QĐ-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông Vận tải); vận tải bằng đường thuỷ nội địa kết nối Tây Ninh với Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tuyến đường thủy nội địa sau:

2.1. Sông Vàm Cỏ Đông

Có tuyến đường thuỷ nội địa Sài Gòn - Bến Kéo, từ ngã ba Kênh Tẻ đến cảng Bến Kéo dài 142,9km, đạt tiêu chuẩn cấp III. Quy hoạch trên tuyến có 06

cảng thuỷ, hiện đang khai thác 04 cảng, gồm: Cảng Bến Kéo, cảng Thanh Phước (cảng container), cảng xăng dầu LPG, cảng Xi măng Fico; 01 cảng đang đầu tư xây dựng (Cảng Thành Thành Công); 01 cảng chưa đầu tư.

2.2. Sông Sài Gòn

Chưa có quy hoạch luồng tuyến đến tỉnh Tây Ninh, hiện có tuyến đường thuỷ nội địa Sài Gòn - Bến Súc (đến huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh), dài 90km, quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp II. Để khai thác hiệu quả luồng tuyến đường thuỷ nội địa trên sông Sài Gòn (sau khi cầu Bình Lợi cũ được tháo dỡ); UBND tỉnh Tây Ninh đã đề nghị Bộ Giao thông Vận tải xem xét, chấp thuận: Quy hoạch kéo dài tuyến đường thuỷ nội địa Sài Gòn - Bến Súc đến tỉnh Tây Ninh (cầu Bến Củi) và điều chỉnh, bổ sung cảng ICD và cảng thuỷ nội địa khu vực huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (Tờ trình số 2712/TTr-UBND ngày 05/12/2019).

Ngoài ra, UBND tỉnh Tây Ninh đề xuất Thủ tướng bổ sung Trung tâm logistics Tây Ninh vào Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 (UBND tỉnh Tây Ninh đề nghị tại Văn bản số 1790/UBND-KTN ngày 21/8/2019).

2.3. Cảng ICD: Theo Quy hoạch Quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2018; trên địa bàn tỉnh Tây Ninh quy hoạch 02 cảng ICD, gồm:

- Cảng ICD Thanh Phước: tại xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Hiện Công ty Đầu tư Sài Gòn VRG đang tìm đối tác liên kết đầu tư.

- Cảng ICD Mộc Bài: tại xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (trong Khu Kinh tế cửa khẩu Mộc Bài). Hiện Công ty TNHH Tân cảng Tây Ninh đang đầu tư xây dựng, dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2020.

3. Vận tải

3.1. Các loại hình vận tải: Trên địa bàn tỉnh hiện có các loại hình vận tải sau:

3.1.1 Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định: Theo Danh mục chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của Bộ GTVT trên địa bàn tỉnh có 139 tuyến liên tỉnh đi đến 36 tỉnh, thành trên cả nước. Hiện có 76 tuyến đang khai thác, trong đó: 22 tuyến đi các tỉnh miền Đông Nam Bộ, 33 tuyến đi các tỉnh miền Tây, 04 tuyến đi các tỉnh Tây Nguyên, 07 tuyến đi các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Hiện có 13 đơn vị kinh doanh vận tải trong tỉnh tham gia khai thác. Tổng số xe khách được cấp phù hiệu để hoạt động: 370 xe các loại.

3.1.2. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt: có 07 tuyến hoạt động, trong đó có 03 tuyến nội tỉnh và 04 tuyến liên tỉnh với thành phố HCM;

06 đơn vị kinh doanh khai thác với 106 đầu xe (doanh nghiệp Tây Ninh có 56 xe, doanh nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh 50 xe).

3.1.3. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi: có 04 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (Mai Linh, Sao Đỏ, Long Sơn, Hòa Bình Xanh); có 480 xe.

3.1.4. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng: Hiện tại có 26 doanh nghiệp, hợp tác xã và 275 hộ kinh doanh được cấp giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, tổng số 1.132 xe các loại được cấp phù hiệu.

3.1.5. Kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô: Tỉnh chưa có đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch được cấp phép.

3.1.6. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô: Hiện có 280 doanh nghiệp, hợp tác xã và 1.210 hộ kinh doanh được cấp giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa. Tổng số phương tiện đã cấp phù hiệu: 799 xe công-ten-nơ và 11.900 xe tải.

3.1.7. Về xe máy kéo nông nghiệp: Toàn tỉnh hiện có khoảng 9.200 xe máy kéo đã được cấp đăng ký biển số để hoạt động chủ yếu vận chuyển nông sản từ các vùng nguyên liệu như mía, mì... đến các nhà máy.

3.2. Hạ tầng bến xe phục vụ vận tải

Hiện nay có 08 bến xe đang hoạt động, trong đó: 01 bến xe đạt tiêu chuẩn loại 2 (bến xe Tây Ninh), 02 bến xe đạt tiêu chuẩn loại 3 (bến xe Mộc Bài, Tân Hà), 02 bến xe đạt tiêu chuẩn loại 4 (bến xe Tân Biên, Đồng Phước Châu Thành), 01 bến xe đạt tiêu chuẩn loại 5 (bến xe Hoà Thành) và 02 bến xe đạt tiêu chuẩn loại 6 (bến xe Châu Thành, Dương Minh Châu).

Ngoài ra, đã công bố đưa vào khai thác 29 điểm đón trả khách dọc trên các tuyến đường để phục vụ nhu cầu đón, trả khách của các tuyến cố định.

3.3. Đào tạo, sát hạch lái xe: Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 04 cơ sở đào tạo lái xe ô tô và mô tô, 01 cơ sở đào tạo lái xe mô tô, 02 trung tâm sát hạch loại 2.

4. Đánh giá thực trạng hạ tầng giao thông

4.1 Thuận lợi

- Mật độ đường bộ tương đối cao so với các tỉnh trong khu vực. Mạng lưới đường bộ phân bổ tương đối đồng đều và rộng khắp; hình thành các trục dọc theo hướng Bắc - Nam để kết nối với thành phố Hồ Chí Minh (gồm: QL.22, QL.22B, ĐT.782 - ĐT.784, ĐT.793; ĐT.785, ĐT.788), các trục ngang để kết nối với các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Long An (gồm: ĐT.781, ĐT.786, Trà Võ - Đất Sét và Đất Sét - Bến Củi, ĐT.794, ĐT.792...). Ngoài ra, còn có các trục hướng tâm kết nối các huyện với thành phố Tây Ninh, các trục kết nối các vùng nguyên liệu với nhà máy, các khu công nghiệp...

- Đường thủy nội địa tương đối thuận lợi với 02 tuyến sông Sài Gòn và Vàm Cỏ Đông kết nối trực tiếp với thành phố Hồ Chí Minh (đến các cảng Sài Gòn, cảng Hiệp Phước) và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Cơ sơ hạ tầng bến, bãi và loại hình vận tải phần lớn được xã hội hoá đầu tư, chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu vận tải của người dân, doanh nghiệp.

4.2. Khó khăn

- Tỉnh chỉ có 02 phương thức vận tải là đường bộ và đường thuỷ nội địa, trong đó vận tải đường bộ là chủ yếu. Tuy nhiên, hệ thống giao thông Quốc gia qua địa bàn tỉnh rất thấp, chiếm 1,6% mạng lưới đường bộ toàn tỉnh (có 03 tuyến với tổng chiều dài 132,21km/8.246km).

- Hạ tầng giao thông kết nối Tây Ninh với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ít, có quy mô nhỏ, nhất là kết nối với thành phố Hồ Chi Minh gần như chỉ có tuyến đường QL.22, hiện đã mãn tải nhưng chưa được đầu tư nâng cấp, mở rộng; vào các giờ cao điểm đoạn từ Củ Chi đến An Sương và một số đoạn qua Khu Công nghiệp Trảng Bàng, đô thị Trảng Bàng luôn bị ùn tắc giao thông. Đặc biệt, QL.22B đoạn từ Km33+262 (Mít Một) đến Km84+162 (cửa khẩu Xa Mát) đã được đầu tư rất lâu, có quy mô đạt tiêu chuẩn cấp III và đi xuyên qua các đô thị, khu dân cư, hiện nay đã không đáp ứng được nhu cầu vận tải và mất an toàn giao thông, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Ranh giới giữa tỉnh Tây Ninh và Bình Dương là sông Sài Gòn với chiều dài khoảng 50km, nhưng hiện chỉ có 02 điểm kết nối (cầu Sài Gòn và Dầu Tiếng), gây khó khăn trong lưu thông, vận chuyển hàng hóa giữa hai tỉnh và của khu vực.

- Mạng lưới đường bộ địa phương tuy nhiều, nhưng có quy mô nhỏ, chủ yếu là đường cấp III, IV (chỉ có đường ĐT.782 đạt tiêu chuẩn đường cấp II).

- Sông Vàm Cỏ Đông với chiều dài đoạn qua tỉnh là 105km, chia cắt toàn huyện Bến Cầu và một phần huyện Trảng Bàng, Châu Thành với vùng phía Đông Bắc của tỉnh, tuy nhiên hiện nay chỉa có 4 cầu được bắc qua sông, bao gồm cầu Gò Dầu, cầu Gò Chai, cầu Bến Sỏi và Cầu Bến Đình.

- Hạ tầng phục vụ vận tải thuỷ chưa được quy hoạch (trên tuyến sông Sài Gòn), chưa đầu tư tương xứng để khai thác hiệu quả vận tải đường thủy.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về đường bộ (kiến nghị theo Văn bản số 2268/UBND-KTTC ngày 10/10/2019, Văn bản số 2627/UBND-KTTC ngày 22/11/2019), cụ thể:

1.1. Đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hoà

Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa thuộc các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định 3950/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2007 bằng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ với tổng chiều dài tuyến 74km, quy mô đường cấp III, 2

làn xe. Dự án được khởi công từ năm 2009, phần đường đã cơ bản thi công hoàn thành đắp nền K95, phần cầu đã cơ bản thi công một số hạng mục kết cấu dưới, một số cầu đã lao lắp xong hệ dầm cầu. Dự án giãn tiến độ thực hiện từ năm 2011 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh xã hội và Chỉ thị số 1792/TC-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2016 dự án được tiếp tục thi công hoàn thành cầu vượt QL.13, nút giao QL.22 từ nguồn vốn dư QL.1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên.

Để thi công hoàn thành dự án, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Giao thông Vận tải nghiên cứu chuyển đổi hình thức đầu tư các hạng mục còn lại của dự án sang đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT (Văn bản số 872/TTg-KTN ngày 19/6/2015). Tuy nhiên, trong thời gian triển khai do các quy định của pháp luật thay đổi dẫn đến phương án tài chính của dự án không khả thi; từ đó Bộ Giao thông Vận tải đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho dừng thực hiện theo hình thức Hợp đồng BOT. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Giao thông Vận tải phối hợp với các cơ quan có liên quan để thu xếp nguồn vốn, thực hiện đầu tư dự án (Văn bản số 5112/VPCP-CN ngày 12/6/2019), Bộ đã giao Ban Quản lý dự án 2 đang tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án tại Quyết định số 1922/QĐ-BGTVT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).

Đây là dự án liên vùng, có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đồng thời đảm bảo an ninh - quốc phòng cho khu vực; tuyến mở ra một hướng kết nối mới từ Tây Nguyên đi qua vùng Đông Nam Bộ với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng cho khu vực, đồng thời phát huy hiệu quả đầu tư tuyến, khai thác các hạng mục đã đầu tư xong, tránh lãng phí, như: phần nền đường, các cầu; **UBND tỉnh Tây Ninh kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải thu xếp nguồn vốn và đầu tư dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hoà thuộc các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An khởi công năm 2020 hoàn thành năm 2022.**

Trường hợp, Bộ Giao thông vận tải chưa thu xếp được nguồn vốn để đầu tư trong giai đoạn 2020-2022, đề xuất cho phép 03 tỉnh Tây Ninh, Bình Dương và Long An làm việc và thống nhất tạm ứng ngân sách địa phương đầu tư thông tuyến trên địa bàn 3 tỉnh; Bộ Giao thông vận tải hoàn trả tạm ứng cho địa phương trong giai đoạn 2021-2025.

1.2. Đường Xuyên Á (Quốc lộ 22)

Đường Xuyên Á (QL.22) bắt đầu từ ngã tư An Sương và kết thúc tại cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, dài 58km; tuyến đã được Bộ Giao thông Vận tải đầu tư đưa vào khai thác sử dụng khá lâu (từ năm 2001-2002) với quy mô: đoạn qua

thành phố Hồ Chí Minh dài 30km đạt tiêu chuẩn đường cấp I-II, 6 làn xe, đoạn qua địa phận tỉnh Tây Ninh dài 28km đạt tiêu chuẩn đường cấp II, 4 làn xe.

Theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ), Điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2055/QĐ-TTg ngày 23/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ): QL.22 đoạn từ An Sương đến Củ Chi đầu tư quy mô 10-12 làn xe, đoạn còn lại đầu tư quy mô 4-6 làn xe.

Tuyến là cửa ngõ thông thương Quốc tế tới các nước trong khu vực ASEAN, là tuyến đường giao thông ngắn nhất của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và thành phố Hồ Chí Minh nối với thủ đô Phnompenh (Campuchia) qua cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài; vì vậy tất cả lưu lượng phương tiện tham gia giao thông đường bộ của của Vùng, của thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Tây Ninh đi Campuchia và ngược lại điều vận chuyển trên tuyến đường này. Hiện nay, tuyến đã mãn tải, đặc biệt là đoạn qua tỉnh Tây Ninh (từ Km30+250 đến Km58+000). Bên cạnh đó, tuyến không đáp ứng được nhu cầu vận tải vì lượng phương tiện lưu thông trên tuyến đường rất lớn, vào các giờ cao điểm đoạn từ Củ Chi đến An Sương và một số đoạn qua Khu Công nghiệp Trảng Bàng, đô thị Trảng Bàng luôn bị ùn tắc giao thông, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực, của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

Hiện nay, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình giao thông thành phố lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 22 (đoạn từ nút giao An Sương đến ranh tỉnh Tây Ninh) với quy mô 8 làn xe, bề rộng nền đường 39,5m; dự án đang được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh tổ chức thẩm định.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, của vùng, đồng thời thông thương quốc tế, đồng bộ dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 22 (đoạn từ nút giao An Sương đến ranh tỉnh Tây Ninh), **UBND tỉnh Tây Ninh kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Xuyên Á trong giai đoạn 2021-2025, trong đó: mở rộng đoạn từ Suối Sâu đến hết tuyến tránh thị trấn Trảng Bàng (khoảng 7km) 8 làn xe, chiều rộng 39,5m đồng bộ với Quốc lộ 22 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh đang được nghiên cứu, triển khai thực hiện.**

1.3. Quốc lộ 22B

Tuyến kết nối với Xuyên Á (tại Gò Dầu) và kết thúc tại cửa khẩu Quốc tế Xa Mát, dài 84km. Tuyến được Bộ GTVT đầu tư nâng cấp đưa vào khai thác sử dụng từ năm cuối năm 2006 đến năm 2008 (riêng đoạn tuyến tránh TP. Tây Ninh khai thác từ năm 2001) với quy mô đường cấp III, mặt đường đoạn từ Gò Dầu (Km0+000) đến Mít Một (Km33+268) rộng 15m, đoạn còn lại mặt đường rộng 7m.

Qua thời gian khai thác, hiện nay lưu lượng giao thông trên tuyến là rất lớn so với thiết kế ban đầu với nhiều loại xe tải nặng vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, cảng Bến Kéo, cửa khẩu Xa Mát, Chàng Riệc... Trong khi đó, theo Dự án đầu tư được duyệt ban đầu, tuyến đường QL.22B được nâng cấp mở rộng đảm bảo quy mô đường cấp III đồng bằng nhưng do nhiều khó khăn tại thời điểm phê duyệt đầu tư nên cường độ mặt đường trong giai đoạn ban đầu chỉ mới thi công đến đảm bảo $E_{yc} \geq 127$ Mpa và chiều dày thảm BTN chỉ mới 1 lớp dày 7cm. Giai đoạn 2018-2020 Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện dự án bảo trì, không mở rộng nâng cấp tuyến đường, mặt đường đoạn từ Km33+268 ÷ Km104+000 nhỏ hẹp, không đáp ứng lưu lượng tham gia giao thông, mất an toàn giao thông.

Đây là tuyến đường đối ngoại của Việt Nam, của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam với Campuchia; đồng thời là tuyến huyết mạch chạy dọc từ Bắc xuống Nam của tỉnh Tây Ninh, kết nối trực tiếp cửa khẩu quốc tế Xa Mát, cửa khẩu chính Chàng Riệc, căn cứ Trung ương cục miền Nam, trung tâm tỉnh Tây Ninh với thành phố Hồ Chí Minh. Tuyến có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của tỉnh, của khu vực; tuyến tạo điều kiện thuận về vận tải và thương mại qua biên giới giữa hai nước Việt Nam - Campuchia nói riêng và giữa hai nước với khu vực ASEAN, GMS... nói chung.

Để đáp ứng được khả năng vận tải của tuyến, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, của tỉnh, đảm bảo an toàn giao thông và đảm bảo an ninh quốc phòng; **UBND tỉnh Tây Ninh kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải đầu tư nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 22B trong giai đoạn 2021-2025, trong đó: mở rộng đoạn từ Km33+262 (Mít Một) đến Km84+162 (cửa khẩu quốc tế Xa Mát mặt đường rộng 15m để đồng bộ toàn tuyến.**

Trước mắt, để dự án sửa chữa QL.22B Tổng cục Đường bộ Việt Nam đang thực hiện (năm 2019, 2020: Sửa chữa đoạn còn lại từ Km33+268 đến Km84+162, bổ sung hệ thống thoát nước, hệ thống ATGT toàn tuyến...) đảm bảo năng lực khai thác, tăng khả năng thông hành, phát huy được tác dụng của phần lề gia cố, đảm bảo an toàn giao thông, đáp ứng được nhu cầu vận tải của tỉnh, của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo an ninh quốc phòng, **UBND tỉnh Tây Ninh kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam quy mô sửa chữa kết cấu phần lề gia cố đoạn từ Km33+268 (Mít một) đến Km84+162 (cửa khẩu Xa Mát) QL.22B có kết cấu cùng với kết cấu phần mặt đường chính nhằm mở rộng phần xe chạy cho loại phương tiện xe máy, xe thô sơ lưu thông.**

Lý do:

- Theo Dự án đầu tư được duyệt ban đầu, tuyến đường QL.22B được nâng cấp mở rộng đảm bảo quy mô đường cấp III đồng bằng nhưng do nhiều khó

khăn tại thời điểm phê duyệt đầu tư nên cường độ mặt đường trong giai đoạn ban đầu chỉ mới thi công đến đảm bảo $E_{yc} \geq 127$ Mpa và chiều dày thảm BTN chỉ mới 1 lớp dày 7cm. Riêng đoạn từ Km33+268 đến Km84+162 mặt đường nhỏ hẹp (7m), phần lề gia cố thấm nhập nhựa hiện hữu thực tế phương tiện giao thông không đi vào, chỉ dành cho đỗ xe, không lên nhựa, không kín nên dễ thấm nước, gây hư hỏng gần như hoàn toàn, không thể sử dụng được, trong khi lưu lượng phương tiện tham gia giao thông trên tuyến hiện nay là rất lớn; phương án thay thế lề gia cố cùng kết cấu mặt đường đoạn này là phù hợp, tránh lãng phí và đã được lãnh đạo Bộ Giao thông Vận tải ghi nhận trước đây (Văn bản số 4407/BGTVT-KCHT ngày 25/4/2017 về việc sửa chữa, gia cố lề với kết cấu tương tự kết cấu mặt đường với bề rộng mỗi bên 2m).

- Tình trạng hư hỏng, xuống cấp của QL.22B, nhất là đoạn từ Km33+268 đến Km84+162 mặt đường nhỏ hẹp đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, gây mất ATGT (theo thống kê: đường quốc lộ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chỉ chiếm 1,61% toàn bộ mạng lưới đường của tỉnh, tuy nhiên tình hình tai nạn giao thông xảy ra trên quốc lộ chiếm tỷ lệ rất lớn, cụ thể: năm 2017 TNGT toàn tỉnh xảy ra 191 vụ làm 76 người chết, 172 người bị thương, trong đó: quốc lộ xảy ra 51 vụ làm 23 người chết, 39 người bị thương; năm 2018 TNGT toàn tỉnh xảy ra 216 vụ làm 82 người chết, 176 người bị thương, trong đó: quốc lộ xảy ra 59 vụ làm 29 người chết, 41 người bị thương; 10 tháng năm 2019 TNGT toàn tỉnh xảy ra 119 vụ làm 54 người chết, 101 người bị thương, trong đó: quốc lộ xảy ra 36 vụ làm 21 người chết, 23 người bị thương), nhất là trong thời gian tới lưu lượng phương tiện tham gia giao thông trên tuyến ngày một tăng cao, với nhiều loại phương tiện vận tải nặng... Vì vậy, việc gia cố phần lề đường cùng với kết cấu phần mặt đường chính nhằm mở rộng phần xe chạy cho loại phương tiện xe máy, xe thô sơ là phù hợp và tránh lãng phí.

1.4. Bổ sung quy hoạch tuyến cao tốc Gò Dầu - Xa Mát: Bộ Giao thông Vận tải đã có Tờ trình số 10032/TTr-BGTVT ngày 23/10/2019 trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Để sớm phê duyệt làm cơ sở thực hiện, UBND tỉnh Tây Ninh kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải làm việc với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương sớm báo cáo Thủ tướng Chính phủ để phê duyệt.

1.5 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 03/12/2019 phê duyệt nâng cấp cửa khẩu phụ Tân Nam lên thành cửa khẩu quốc tế; UBND tỉnh Tây Ninh đề nghị Bộ Giao thông Vận tải xem xét, chuyển cấp quản lý ĐT.791 nối từ cửa khẩu quốc tế Xa Mát đến cửa khẩu quốc tế Tân Nam, dài khoảng 24km thành quốc lộ.

2. Về phát triển đường thuỷ nội địa (kiến nghị theo Tờ trình số 2712/TTr-UBND ngày 05/12/2019)

Sông Sài Gòn chưa có quy hoạch luồng tuyến đến tỉnh Tây Ninh, hiện có tuyến đường thuỷ nội địa Sài Gòn - Bến Súc (đến huyện Củ Chi, thành phố Hồ

Chí Minh), dài 90km, quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp II. Từ trước đến nay, do vướng tĩnh không cầu Bình Lợi (trên đường sắt), chỉ có 1,5m, nên chưa khai thác được tuyến đường thuỷ nội địa này; hiện nay, Bộ Giao thông Vận tải đang đầu tư cầu mới thay thế, dự kiến trong Quí I/2020 sẽ hoàn thành (cầu Bình Lợi cũ sẽ được tháo dỡ). Khi cầu Bình Lợi được tháo dỡ, đây sẽ tuyến đường thuỷ nội địa chính thu hút lượng hàng hoá từ thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, tỉnh Long An (khi đường Hồ Chí Minh được nối thông tuyến), cũng như hàng hoá từ Camphuchia qua các cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, Xa Mát, cửa khẩu chính Chàng Riệc, Kà Tum, Phước Tân... đến cảng Cát Lái, cảng Sài Gòn và các cảng khác trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Qua khảo sát, khu vực thượng nguồn sông Sài Gòn (phía Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh), giáp 03 địa phương (Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Dương) thuộc huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có vị trí thuận lợi, sẽ là khu vực đầu mối kết nối các phương thức vận tải từ đường bộ sang đường thuỷ nội địa và đường hàng hải rất thuận lợi.

Nhằm khai thác lợi thế, trung chuyển các luồng hàng hoá nội địa, xuất khẩu và quá cảnh của Vùng Đông Nam Bộ, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Campuchia; kết nối hiệu quả các phương thức vận tải, nhất là tạo điều kiện và khai thác hiệu quả luồng tuyến đường thuỷ nội địa trên sông Sài Gòn (sau khi cầu Bình Lợi cũ được tháo dỡ); góp phần giảm chi phí vận tải, tăng tính cạnh tranh theo chủ trương, định hướng của Chính phủ; đồng thời giảm sức ép về vận tải bằng đường bộ; **UBND tỉnh Tây Ninh kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải xem xét, chấp thuận các nội dung như sau:**

- Điều chỉnh kéo dài tuyến đường thuỷ nội địa Sài Gòn - Bến Súc đến tỉnh Tây Ninh (cầu Bến Củi) theo điều chỉnh Quy hoạch Tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (theo Quyết định số 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/4/2013, điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 4360/QĐ-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông Vận tải)

- Bổ sung quy hoạch cụm cảng cạn (ICD) ven sông Sài Gòn thuộc tỉnh Tây Ninh vào quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam đã được phê duyệt tại Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2018, với vị trí và quy mô dự kiến như sau:

+ Vị trí: khu vực khoảng km107+000 (cách cầu Bến Súc khoảng 8,5km về phía thượng lưu) thuộc địa phận xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

+ Quy mô Quy hoạch cảng cạn: đề xuất 02 phương án:

Phương án 1: quy hoạch công suất mới là: Giai đoạn 2020 – 2025 nhu cầu thông qua hàng hóa khoảng 140.000 TEU/năm, diện tích 15ha. Giai đoạn 2030 – sau năm 2030 khoảng 480.000 TEU/năm, diện tích 50ha.

Phương án 2: Trước mắt điều chỉnh giảm công suất quy hoạch cảng cạn ICD Thanh Phước (theo Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2018 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030) sang công suất cảng cạn ICD Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Giai đoạn quy hoạch	Công suất cảng cạn ICD Thanh Phước được duyệt (TEU/năm)	Điều chỉnh	
		Công suất cảng cạn ICD Thanh Phước sau khi điều chỉnh giảm (TEU/năm)	Bổ sung công suất cảng cạn ICD Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (TEU/năm)
Giai đoạn 2020-2025	71.250-213.750	71.250-173.750	40.000
Giai đoạn 2030	282.150-376.200	282.150-300.200	76.000

Phương án này, khi Bộ Giao thông Vận tải tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia theo Luật Quy hoạch, địa phương sẽ phối hợp cùng các đơn vị của Bộ Giao thông vận tải và đơn vị tư vấn nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung công suất quy hoạch các cảng cạn ICD trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cho phù hợp.

- Bổ sung quy hoạch cụm cảng thủy nội địa ven sông Sài Gòn thuộc tỉnh Tây Ninh vào Quy hoạch chi tiết hệ thống cảng đường thủy nội địa khu vực phía Nam đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1108/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013 với vị trí và quy mô dự kiến như sau:

+ Vị trí: Thuộc phạm vi quy hoạch cụm cảng cạn (ICD) nêu trên (khu vực khoảng km107+000 thuộc địa phận xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh).

+ Quy mô quy hoạch cảng thủy nội địa: đến năm 2030 công suất 3 triệu tấn/năm, cỡ tàu lớn nhất 2000 tấn. Giai đoạn sau 2030 có công suất 5 triệu tấn/năm, cỡ tàu lớn nhất 2000 tấn.

3. Về triển khai mô hình một cửa một lần dừng tại cặp cửa khẩu Mộc Bài - Bà Vẹt

Qua kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, UBND tỉnh Tây Ninh kính đề xuất Bộ Giao thông Vận tải để xem xét, lựa chọn phương án vị trí để thực hiện mô hình một cửa, một lần dừng tại cửa khẩu quốc tế Mộc Bài như sau:

3.1. Phương án 1

Sử dụng Bãi tập kết kiểm tra hàng hoá phía Việt Nam do Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh làm chủ đầu tư có quy mô 16,5 ha kết hợp với khu đất đối diện khoảng trên 01 ha của nước bạn Campuchia giáp với Bãi xe này làm Khu vực bãi kiểm tra chung cho cả 02 luồng xuất và nhập của Việt Nam và Campuchia.

Tuyến đi cho phương tiện vận tải hàng hoá xuất và nhập:

Đường Xuyên Á ⇆ đường 91 ⇆ đường ĐN.18 ⇆ Bãi kiểm tra chung đường đất ⇆ đỏ ngang Tiểu đoàn CSBVBG 609 của nước Campuchia

Phân tích ưu điểm, hạn chế:

- Ưu điểm: Bãi xe 16,5 ha phù hợp với quy hoạch của Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài được duyệt, hiện đã có nhà đầu tư chuẩn bị triển khai dự án này, tính sẵn sàng cao; giải quyết được vấn đề phía nước bạn Campuchia thiếu quỹ đất (chỉ sử dụng đất của Campuchia khoảng 1ha); hạn chế ùn tắc trên đường QL.22 ngay khu vực cửa khẩu và cột mốc 171.

- Hạn chế:

+ Phía Việt Nam đầu tư và nâng cấp đường ĐN.18 một đoạn 910m (trong đó đầu tư mới 210m, nâng cấp đường tuần tra biên giới hiện hữu 700m).

+ Phía Campuchia đầu tư nâng cấp 1,1 km đường từ Bãi xe 16,5 ha đến đường đất đỏ ngang Tiểu đoàn Cảnh sát bảo vệ biên giới 609 của Campuchia và đầu tư nâng cấp đường đất đỏ ngang Tiểu đoàn Cảnh sát bảo vệ biên giới 609 dài khoảng 8,3 km; hàng hoá xuất và nhập của 02 nước đi chung một tuyến đường nên mật độ giao thông cao.

3.2. Phương án 2

Sử dụng 02 Bãi kiểm tra hàng hoá riêng biệt, cụ thể như sau:

- Phía Việt Nam: Sử dụng Bãi kiểm tra hàng hoá 16,5 ha làm Khu vực bãi kiểm tra đối với hàng hoá nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam.

. Phương tiện vận tải đi từ Campuchia theo tuyến như phương án 1.

- Phía Campuchia: Từ cuối đường ĐD.2 theo đường tuần tra biên giới đi về hướng Bắc khoảng 1,5 km, tại vị trí này thành lập 01 bãi kiểm tra chung (trên đất Campuchia) hàng hoá xuất từ Việt Nam sang Campuchia.

. Phương tiện vận tải hàng hoá sẽ đi từ đường ĐD.23 → đường 51 → đến đường tuần tra biên giới → Bãi kiểm tra chung (phía Campuchia) → đường tránh đô thị Ba Vét của Campuchia đã xây dựng (02 làn xe).

Phân tích ưu điểm, hạn chế:

- Ưu điểm: Hai luồng xuất nhập khác nhau nên giảm lưu lượng giao thông hơn phương án 1.

- Hạn chế:

+ Phía Việt Nam: Ngoài đầu tư hạ tầng giao thông như PA1, sẽ phải đầu tư nâng cấp đoạn đường tuần tra biên giới từ ĐD.2 đến Khu vực bãi kiểm tra chung cho luồng xuất khẩu từ Việt Nam sang Campuchia dài khoảng 1,5km.

+ Phía Campuchia: Xác định và đầu tư thêm Khu vực bãi kiểm tra chung luồng xuất từ Việt Nam sang Campuchia đảm bảo diện tích đủ rộng để xe đậu chờ làm thủ tục kiểm hóa; Đầu tư hạ tầng giao thông như phương án 1 và đường kết nối từ Bãi kiểm tra chung đến đường tránh đô thị Ba Vét dài khoảng 300m.

(Kèm theo bản đồ 02 phương án)

Qua phân tích 02 phương án nêu trên, UBND tỉnh Tây Ninh kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải xem xét, chọn Phương án 1 để trao đổi, làm việc với Đoàn Công tác của Bộ Giao thông công chính Campuchia, tham mưu Chính phủ hai nước xem xét, quyết định để sớm thực hiện kiểm tra một cửa một lần dừng tại cặp cửa khẩu Mộc Bài - Bà Vẹt.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh làm việc với Đoàn Công tác của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Đoàn Công tác;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- TT.TU;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP: Nhung, Long; KTTC;
- Lưu VT. VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

binhht_CVUB_789
15

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 21.10.2019 09:45:22 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2268 /UBND-KTTC V/v xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đề nghị của Bộ Giao thông Vận tải.	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 10 năm 2019*

Kính gửi: Bộ Giao thông Vận tải.

Thực hiện ý kiến của Bộ Giao thông Vận tải tại Công văn số 8649/BGTVT-KHĐT ngày 12/9/2019 về việc phối hợp xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải xem xét, đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Giao thông Vận tải các dự án sau:

1. Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hoà

Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa đi qua các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định 3950/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2007 bằng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ với tổng chiều dài tuyến 74km, quy mô đường cấp III, 2 làn xe. Dự án được khởi công từ năm 2009, phần đường đã cơ bản thi công hoàn thành đắp nền K95, phần cầu đã cơ bản thi công một số hạng mục kết cấu dưới, một số cầu đã lao lắp xong hệ dầm cầu. Dự án giãn tiến độ thực hiện từ năm 2011 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh xã hội và Chỉ thị số 1792/TC-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2016 dự án được tiếp tục thi công hoàn thành cầu vượt QL.13, nút giao QL.22 từ nguồn vốn dư QL.1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên.

Để thi công hoàn thành dự án, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Giao thông Vận tải nghiên cứu chuyển đổi hình thức đầu tư các hạng mục còn lại của dự án sang đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT (Văn bản số 872/TTg-KTN ngày 19/6/2015). Tuy nhiên, trong thời gian triển khai do các quy định của pháp luật thay đổi dẫn đến phương án tài chính của dự án không khả thi; từ đó Bộ Giao thông Vận tải đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho dừng thực hiện theo hình thức Hợp đồng BOT. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Giao thông Vận tải phối hợp với các cơ quan có liên quan để thu xếp nguồn vốn, thực hiện đầu tư dự án (Văn bản số 5112/VPCP-CN ngày 12/6/2019).

Đây là dự án liên vùng, có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đồng thời đảm

bảo an ninh - quốc phòng cho khu vực; tuyến mở ra một hướng kết nối mới từ Tây Nguyên đi qua vùng Đông Nam Bộ với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng cho khu vực, đồng thời phát huy hiệu quả đầu tư tuyến, khai thác các hạng mục đã đầu tư xong, tránh lãng phí, như: phần nền đường, các cầu, kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải đưa dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hoà thuộc các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và thực hiện đầu tư dự án.

2. Dự án nâng cấp, mở động đường Xuyên Á (Quốc lộ 22)

Đường Xuyên Á (QL.22) bắt đầu từ ngã tư An Sương và kết thúc tại cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, dài 58km; tuyến đã được Bộ Giao thông Vận tải đầu tư đưa vào khai thác sử dụng khá lâu (từ năm 2001-2002) với quy mô: Đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh dài 30km đạt tiêu chuẩn đường cấp I-II, 6 làn xe, đoạn qua địa phận tỉnh Tây Ninh dài 28km đạt tiêu chuẩn đường cấp II, 4 làn xe.

Theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ), Điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2055/QĐ-TTg ngày 23/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ): QL.22 đoạn từ An Sương đến Củ Chi đầu tư quy mô 10-12 làn xe, đoạn còn lại đầu tư quy mô 4-6 làn xe.

Tuyến là cửa ngõ thông thương Quốc tế tới các nước trong khu vực ASEAN, là tuyến đường giao thông ngắn nhất của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và thành phố Hồ Chí Minh nối với thủ đô Phnompenh (Campuchia) qua cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài. Vì vậy, tất cả lưu lương phương tiện tham gia giao thông đường bộ của Vùng, của thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Tây Ninh đi Campuchia và ngược lại đều vận chuyển trên tuyến đường này. Hiện nay, tuyến đã mãn tải, đang xuống cấp, đặc biệt là đoạn qua tỉnh Tây Ninh (từ Km30+250 đến Km58+000). Bên cạnh đó, tuyến không đáp ứng được nhu cầu vận tải vì lượng phương tiện lưu thông trên tuyến đường rất lớn, vào các giờ cao điểm đoạn từ Củ Chi đến An Sương và một số đoạn qua Khu Công nghiệp Trảng Bàng, đô thị Trảng Bàng và đô thị Gò Dầu luôn bị ùn tắc giao thông, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực, của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

Với tầm quan trọng của tuyến đường và sự cần thiết phải đầu tư nâng cấp để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của vùng, của khu vực, năm 2016 Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 226/TTg-KTN ngày 04/02/2016 giao UBND thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kêu gọi đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 22 theo hình thức đối tác công tư (Hình thức hợp đồng BOT). Tuy nhiên, dự án dừng thực hiện theo Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao

thông theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao. Theo đó, đối với các dự án đường bộ đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT chỉ áp dụng đối với các tuyến đường mới để đảm bảo quyền lựa chọn cho người dân, không đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường độc đạo hiện hữu.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, của vùng, đồng thời thông thương quốc tế, kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải đưa dự án nâng cấp, mở rộng đường Xuyên Á vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và thực hiện đầu tư dự án.

3. Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 22B và 22B kéo dài

Tuyến kết nối với Xuyên Á (tại Gò Dầu) và kết thúc tại cửa khẩu chính Chàng Riệc, dài 104km. Trong đó, QL.22B từ Gò Dầu đến cửa khẩu Quốc tế Xa Mát, dài 84km, được Bộ Giao thông Vận tải đầu tư nâng cấp đưa vào khai thác sử dụng từ năm cuối năm 2006 đến năm 2008 (riêng đoạn tuyến tránh TP. Tây Ninh khai thác từ năm 2001) với quy mô đường cấp III, mặt đường đoạn từ Gò Dầu (Km0+000) đến Mít Một (Km33+268) rộng 15m, đoạn còn lại mặt đường rộng 7m; QL.22B kéo dài từ cửa khẩu Quốc tế Xa Mát đến cửa khẩu chính Chàng Riệc, dài 20km, được đầu tư từ trước năm 2000, quy mô đường cấp IV, mặt đường láng nhựa rộng 6m.

Qua thời gian khai thác, hiện nay lưu lượng giao thông trên tuyến là rất lớn so với thiết kế ban đầu với nhiều loại xe tải nặng vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, cảng Bến Kéo, cửa khẩu Xa Mát, Chàng Riệc... Trong khi đó, theo Dự án đầu tư được duyệt ban đầu, tuyến đường QL.22B được nâng cấp mở rộng đảm bảo quy mô đường cấp III đồng bằng nhưng do nhiều khó khăn tại thời điểm phê duyệt đầu tư nên cường độ mặt đường trong giai đoạn ban đầu chỉ mới thi công đến đảm bảo $E_{yc} \geq 127$ Mpa và chiều dày thảm BTN chỉ mới 1 lớp dày 7cm. Giai đoạn 2018-2020 Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện dự án bảo trì, không mở rộng nâng cấp tuyến đường; mặt đường đoạn từ Km33+268 ÷ Km104+000 nhỏ hẹp, không đáp ứng lưu lượng tham gia giao thông, mất an toàn giao thông.

Tuyến đường Quốc lộ 22B và 22B kéo dài là tuyến đường đối ngoại của Việt Nam, của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam với Campuchia; đồng thời là tuyến huyết mạch chạy dọc từ Bắc xuống Nam của tỉnh Tây Ninh, kết nối trực tiếp cửa khẩu quốc tế Xa Mát, cửa khẩu chính Chàng Riệc, căn cứ Trung ương cục miền Nam, trung tâm tỉnh Tây Ninh với thành phố Hồ Chí Minh. Tuyến có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của tỉnh, của khu vực; tuyến tạo điều kiện thuận lợi về vận tải và thương mại qua biên giới giữa hai nước Việt Nam - Campuchia nói riêng và giữa hai nước với khu vực ASEAN, GMS... nói chung.

Để đáp ứng được khả năng vận tải của tuyến, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, của tỉnh, đảm bảo an toàn giao thông và đảm bảo an ninh quốc phòng; đề nghị Bộ Giao thông Vận tải đưa dự án nâng

cấp, mở rộng Quốc lộ 22B và 22B kéo dài vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và thực hiện đầu tư.

Trên đây là nội dung kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải xem xét, chấp thuận bố trí các dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Giao thông Vận tải.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở: KHĐT, SGTVT;
- CVP, PVP: Nhung, Long;
- KTTC;
- Lưu: VT. VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

binhht_CVUB_613

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Tân

Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 26.11.2019 08:43:53 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2627 /UBND-KTTC	*Tây Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2019*

V/v đề nghị quy mô sửa chữa kết cấu phần lề gia cố QL.22B đoạn từ Km33+268 đến Km84+162

Kính gửi:
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Mạng lưới giao thông đường bộ kết nối Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, đặc biệt là thành phố Hồ Chi Minh và tỉnh Tây Ninh với Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, Xa Mát, cửa khẩu chính Chàng Riệc, Kà Tum chỉ có đường Xuyên Á và QL.22B. Trong đó, tuyến Quốc lộ 22B bắt đầu từ Gò Dầu (kết nối với Xuyên Á) đến cửa khẩu Quốc tế Xa Mát, dài 84,162km được Bộ Giao thông Vận tải đầu tư nâng cấp đưa vào khai thác sử dụng từ năm cuối năm 2006 đến năm 2008 (riêng đoạn tuyến tránh TP. Tây Ninh khai thác từ năm 2001) với quy mô đường cấp III, mặt đường đoạn từ Gò Dầu (Km0+000) đến Mít Một (Km33+268) rộng 15m, đoạn còn lại mặt đường rộng 7m. Đây là tuyến đường đối ngoại của Việt Nam, của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam với Campuchia; đồng thời là tuyến huyết mạch chạy dọc từ Bắc xuống Nam của tỉnh Tây Ninh, kết nối trực tiếp cửa khẩu quốc tế Xa Mát, cửa khẩu chính Chàng Riệc, trung tâm tỉnh Tây Ninh với thành phố Hồ Chí Minh. Tuyến có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của tỉnh, của khu vực, tạo điều kiện thuận lợi về vận tải và thương mại qua biên giới giữa hai nước Việt Nam - Campuchia nói riêng và giữa hai nước với khu vực ASEAN, GMS... nói chung.

Qua thời gian khai thác, hiện nay lưu lượng giao thông trên tuyến là rất lớn so với thiết kế ban đầu với nhiều loại xe tải nặng vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, cảng Bến Kéo, cửa khẩu Xa Mát, Chàng Riệc... trong khi đó, theo Dự án đầu tư được duyệt ban đầu, tuyến đường QL.22B được nâng cấp mở rộng đảm bảo quy mô đường cấp III đồng bằng nhưng do nhiều khó khăn tại thời điểm phê duyệt đầu tư nên cường độ mặt đường trong giai đoạn ban đầu chỉ mới thi công đến đảm bảo $E_{yc} \geq 127$ Mpa và chiều dày thảm BTN chỉ mới 1 lớp dày 7cm. Riêng đoạn từ Km33+268 đến Km84+162 mặt đường nhỏ hẹp (7m), phần lề đường rộng mỗi bên 2,5m (bao gồm: phần lề gia cố láng nhựa mỗi bên 2m, lề đất mỗi bên 0,5m), thực tế phần lề gia cố không lên nhựa, không kín nên dễ thấm nước, gây hư hỏng gần như hoàn toàn, không thể sử dụng được, trong khi lưu lượng phương

tiện giao thông trên tuyến hiện nay là rất lớn; phương án thay thế lề gia cố cùng kết cấu mặt đường đoạn này là phù hợp, tránh lãng phí và đã được lãnh đạo Bộ Giao thông Vận tải ghi nhận trước đây (Văn bản số 4407/BGTVT-KCHT ngày 25/4/2017 về việc Sửa chữa, gia cố lề với kết cấu tương tự kết cấu mặt đường với bề rộng mỗi bên 2m).

Tình trạng hư hỏng, xuống cấp của QL.22B, nhất là đoạn từ Km33+268 đến Km84+162 mặt đường nhỏ hẹp đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, gây mất an toàn giao thông (theo thống kê: đường quốc lộ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chỉ chiếm 1,61% toàn bộ mạng lưới đường của tỉnh, tuy nhiên tình hình tai nạn giao thông xảy ra trên quốc lộ chiếm tỷ lệ rất lớn. Cụ thể:

- Năm 2017 tai nạn giao thông toàn tỉnh xảy ra 191 vụ làm 76 người chết, 172 người bị thương , trong đó: Quốc lộ xảy ra 51 vụ làm 23 người chết, 39 người bị thương.

- Năm 2018 tai nạn giao thông toàn tỉnh xảy ra 216 vụ làm 82 người chết, 176 người bị thương ; trong đó: Quốc lộ xảy ra 59 vụ làm 29 người chết, 41 người bị thương.

- 10 tháng đầu năm 2019 TNGT toàn tỉnh xảy ra 119 vụ làm 54 người chết, 101 người bị thương ; trong đó: Quốc lộ xảy ra 36 vụ làm 21 người chết, 23 người bị thương), nhất là trong thời gian tới lưu lượng phương tiện tham gia giao thông trên tuyến ngày một tăng cao, với nhiều loại phương tiện vận tải nặng...

Vì vậy, việc gia cố phần lề đường cùng với kết cấu phần mặt đường chính nhằm mở rộng phần xe chạy cho loại phương tiện xe máy, xe thô sơ là phù hợp và tránh lãng phí.

Hiện nay, Tổng cục Đường bộ Việt Nam đang thực hiện dự án sửa chữa, cải tạo, QL.22B với lộ trình thực hiện 03 năm (từ năm 2018 đến năm 2020), trong đó:

- Năm thứ nhất (năm 2018): dự án tập trung sửa chữa mặt đường từ Km0+00 – Km33+268 (từ ngã ba Gò Dầu đến cửa ngõ thành phố Tây Ninh) và bổ sung rãnh thoát nước dọc (đã thực hiện xong)

- Năm 2019, 2020: Sửa chữa đoạn còn lại từ Km33+268 đến Km84+162, bổ sung hệ thống thoát nước, hệ thống ATGT toàn tuyến...

Để dự án sửa chữa QL.22B đoạn từ Km33+268 đến Km84+162 đảm bảo năng lực khai thác, tăng khả năng thông hành, phát huy được tác dụng của phần lề gia cố, đảm bảo an toàn giao thông, đáp ứng được nhu cầu vận tải của tỉnh, của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo an ninh quốc phòng, Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam quy mô sửa chữa kết cấu phần lề gia cố là: **Sửa chữa phần lề gia cố đoạn từ Km33+268 đến Km84+162 QL.22B mỗi bên rộng 2m có kết cấu cùng với kết cấu phần mặt đường chính nhằm mở rộng phần xe chạy cho loại phương tiện xe máy, xe thô sơ lưu thông.**

Kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét, chấp thuận.

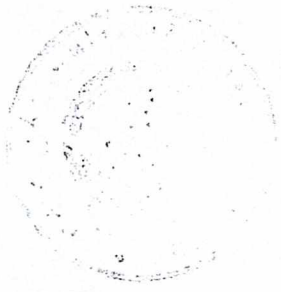
Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT;
- Sở: GTVT;
- CVP, PVP Nhung, KTTC;
- Lưu: VT. VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

binhht_CVUB_730

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng



dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký:
05.12.2019 08:34:36
+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2712/TTr-UBND	*Tây Ninh, ngày 05 tháng 12 năm 2019*

TỜ TRÌNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tuyến luồng đường thủy nội địa, cụm cảng thủy nội địa và cụm cảng cạn sông Sài Gòn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Kính gửi: Bộ Giao thông Vận tải.

Nhằm khai thác có hiệu quả lợi thế của vận tải đường thủy nội địa tuyến sông Sài Gòn, kết nối các phương thức vận tải sau khi cầu Bình Lợi cũ được tháo dỡ, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Ngày 21/8/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có Văn bản số 1791/UBND-KTTC trình Bộ Giao thông Vận tải về việc đề nghị bổ sung quy hoạch cảng cạn và cảng thủy nội địa ven sông Sài Gòn, kéo dài tuyến đường thủy nội địa sông Sài Gòn - Bến Súc đến huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Để giải quyết nội dung kiến nghị của địa phương, lãnh đạo Bộ Giao thông Vận tải đã giao nhiệm vụ Cục Đường thủy nội địa chủ trì khảo sát và báo cáo đề xuất Bộ Giao thông Vận tải giải quyết các kiến nghị của địa phương. Ngày 19/9/2019, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam phối hợp cùng các đơn vị liên quan khảo sát luồng tuyến sông Sài Gòn đoạn từ Cầu Bến Súc đến Hồ Dầu Tiếng (tỉnh Tây Ninh)

Qua kết quả khảo sát, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đã có Báo cáo số 1961/CĐTNĐ-QLKCHT ngày 30/10/2019 về công tác khảo sát tuyến đường thủy nội địa sông Sài Gòn, cụm cảng cạn, cảng thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đoạn từ cầu Bến Súc đến đập hồ Dầu Tiếng. Song song đó, UBND tỉnh Tây Ninh giao nhiệm vụ cho Sở Giao thông Vận tải tổ chức khảo sát, báo cáo về hiện trạng luồng tuyến sông Sài Gòn, báo cáo nghiên cứu phương án vị trí xây dựng cụm cảng cạn, cảng thủy nội địa, làm cơ sở trình Bộ Giao thông Vận tải bổ sung quy hoạch.

Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh kính trình Bộ Giao thông Vận tải bổ sung kéo dài tuyến đường thuỷ nội địa Sài Gòn - Bến Súc đến huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, bổ sung quy hoạch cụm cảng cạn, cảng thủy nội địa ven sông Sài Gòn, nội dung như sau:

Về hiện trạng tuyến đường thủy nội địa sông Sài Gòn:

- Theo điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Viêt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/4/2013 (điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 4360/QĐ-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông Vận tải) thì tuyến đường thủy nội địa sông Sài Gòn được quy hoạch đến Bến Súc (đến huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh), dài 90km, quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp II. Đoạn từ Bến Súc đến Tây Ninh (cách chân đập Hồ Dầu Tiếng 2km) chưa được đề cập đến trong Quyết định số 4360/QĐ-BGTVT nêu trên đã được công bố và đang được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức quản lý theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông Vận tải; Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ Giao thông Vận tải quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa.

- Hiện trạng tuyến đoạn từ cầu Bến Súc đến cầu Bến Củi (cầu Dầu Tiếng), dài 34,83km, cấp III kỹ thuật, bề rộng sông khoảng từ 40m đến 60m, độ sâu chạy tàu tối thiểu 3m; Đoạn từ cầu Bến Củi (cầu Dầu Tiếng) đến đập Dầu Tiếng (cuối tuyến quản lý) dài 8,32km, cấp III kỹ thuật, bề rộng sông khoảng từ 40m đến 45m, độ sâu chạy tàu tối thiểu 2,5m. Trong đó:

+ Đoạn từ cầu Bến Súc đến cầu Bến Củi (cầu Dầu Tiếng), còn tồn tại nhiều khúc cua cong, hệ thống báo hiệu còn hạn chế chỉ đáp ứng các tình huống cần thiết cho phương tiện hoạt động, do cảng, bến thủy nội địa ít với quy mô nhỏ và vận tải thủy trên tuyến chưa phát triển.

+ Đoạn từ cầu Bến Củi (cầu Dầu Tiếng) đến đập Dầu Tiếng (cuối tuyến) luồng hẹp, phương tiện vận tải rất thấp chủ yếu phục vụ đánh bắt thủy sản, trên tuyến nhiều bè cá, vó cá và thanh tre giăng ngang luồng chống lục bình trôi của người dân trong đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, làm cản trở giao thông, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa.

+ Kích thước khoang thông thuyền hệ thống cầu trên tuyến chủ yếu đáp ứng tiểu chuẩn kỹ thuật cấp III là BxH = 50x7(6)m, có cầu không đạt cấp III như chiều rộng cầu Bình Phước I, II, cầu Bến Súc; tĩnh không thông thuyền hạn chế như cầu Bình Triệu I, II; chiều rộng và tĩnh không thông thuyền hạn chế như cầu Bến Củi, cầu mới Tây Ninh.

Về hiện trạng cảng cạn, cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa ven sông Sài Gòn:

- Hiện nay chủ yếu tập trung từ đoạn cầu Bến Súc xuống phía hạ lưu sông Sài Gòn nằm ở các tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh. Đoạn từ cầu Bến Súc lên phía thượng lưu (đập hồ Dầu Tiếng) hiện có 01 cảng thủy nội địa thuộc địa bàn tỉnh Bình Dương và 09 bến thủy nội địa trải dài trên đoạn sông (địa bàn tỉnh Tây Ninh có 08 bến)... Bên phía Tây Ninh chưa có cảng thủy nội địa, chưa có cảng cạn

ICD. Như vậy, số lượng cảng, bến thủy nội địa trên tuyến này rất ít, quy mô nhỏ, chủ yếu phục vụ nhu cầu dân sinh của địa phương, chưa phát huy hiệu quả vận tải đường thủy nội địa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo các quy hoạch thì hiện nay ven sông Sài Gòn , bờ phía tỉnh Tây Ninh chưa quy hoạch cảng cạn và cảng thủy nội địa.

- Về cảng cạn, theo quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có quy hoạch 02 cảng cạn :

+ Cảng cạn Thanh Phước (ven sông Vàm Cỏ Đông): Giai đoạn năm 2020-2025 với quy mô diện tích là 5-15 ha, năng lực thông qua hàng hóa là 71.250-213.750 TEU; giai đoạn 2030 – sau năm 2030 với quy mô diện tích là 15-20 ha, năng lực thông qua hàng hóa là 282.150-376.200 TEU

+ Cảng cạn Mộc Bài: Giai đoạn năm 2020-2025 với quy mô diện tích là 5ha, năng lực thông qua hàng hóa là 30.000-32.000 TEU; giai đoạn 2030 – sau năm 2030 với quy mô diện tích là 5-10 ha, năng lực thông qua hàng hóa là 39.600-79.200 TEU.

Nhằm tập kết, trung chuyển các luồng hàng hoá nội địa, xuất khẩu và quá cảnh của Vùng Đông Nam Bộ, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Campuchia; kết nối hiệu quả các phương thức vận tải, nhất là tạo điều kiện và khai thác hiệu quả luồng tuyến đường thuỷ nội địa trên sông Sài Gòn (sau khi cầu Bình Lợi cũ được tháo dỡ), góp phần giảm chi phí vận tải, tăng tính cạnh tranh theo chủ trương, định hướng của Chính phủ; đồng thời giảm sức ép về vận tải bằng đường bộ, nhất là trên trục QL.22 (kết nối thành phố Hồ Chí Minh với Tây Ninh và Campuchia) hiện đã quá tải, UBND tỉnh Tây Ninh kính trình Bộ Giao thông Vận tải các nội dung như sau:

1. Bổ sung quy hoạch tuyến luồng đường thủy nội địa sông Sài Gòn đoạn từ Bến Súc đến huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

Đề nghị Bộ Giao thông vận tải giữ lại quy hoạch tuyến luồng đường thủy nội địa sông Sài Gòn trong Quyết định 4360/QĐ-BGTVT ngày 10/12/2015 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung chi tiết thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

- Đoạn từ Bến Súc đến cầu Bến Củi huyện Dương Minh Châu, tiêu chuẩn luồng cấp II kỹ thuật, chiều dài khoảng 34,5Km;

- Đoạn từ cầu Bến Củi đến cách đập hồ Dầu Tiếng 2Km, tiêu chuẩn luồng cấp III kỹ thuật, chiều dài khoảng 7,2Km.

(Có báo cáo tóm tắt bổ sung quy hoạch kèm theo)

2. Về việc bổ sung quy hoạch cụm cảng cạn (ICD) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Đề nghị Bộ Giao thông Vận tải bổ sung quy hoạch cụm cảng cạn (ICD) ven sông Sài Gòn thuộc tỉnh Tây Ninh vào quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam đã được phê duyệt tại Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2018, với vị trí và quy mô dự kiến như sau:

- Vị trí đề nghị bổ sung quy hoạch: Vị trí 1 (có báo cáo đề xuất bổ sung quy hoạch cụm cảng cạn kèm theo), trong diện tích khu đất 265ha (bố trí cảng cạn, cảng thuỷ nội địa, kho bãi, các khu dịch vụ, hạ tầng khác...); xung quanh km107+000, cách cầu Bến Súc khoảng 8,5km thuộc địa phận xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Quy mô Quy hoạch cảng cạn: Đề xuất 02 phương án:

Phương án 1: quy hoạch công suất mới là

+ Giai đoạn 2020 – 2025 nhu cầu thông qua hàng hóa khoảng 140.000 TEU/năm, diện tích 15ha;

+ Giai đoạn 2030 – sau năm 2030 khoảng 480.000 TEU/năm, diện tích 50ha.

Phương án 2: Trước mắt điều chỉnh giảm công suất quy hoạch cảng cạn ICD Thanh Phước (theo Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2018 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030) sang công suất cảng cạn ICD Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Giai đoạn quy hoạch	Công suất cảng cạn ICD Thanh Phước được duyệt (TEU/năm)	Điều chỉnh	
		Công suất cảng cạn ICD Thanh Phước sau khi điều chỉnh giảm (TEU/năm)	Bổ sung công suất cảng cạn ICD Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (TEU/năm)
Giai đoạn 2020-2025	71.250-213.750	71.250-173.750	40.000
Giai đoạn 2030	282.150-376.200	282.150-300.200	76.000

Phương án này, khi Bộ Giao thông Vận tải tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia theo Luật Quy hoạch, địa phương sẽ phối hợp cùng các đơn vị của Bộ Giao thông Vận tải và đơn vị tư vấn nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung công suất quy hoạch các cảng cạn ICD trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cho phù hợp.

(Có báo cáo tóm tắt bổ sung quy hoạch kèm theo)

3. Về việc bổ sung quy hoạch cụm cảng thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Bổ sung quy hoạch cụm cảng thủy nội địa ven sông Sài Gòn thuộc tỉnh Tây Ninh vào Quy hoạch chi tiết hệ thống cảng đường thủy nội địa khu vực phía Nam đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1108/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013 với vị trí và quy mô dự kiến như sau:

- Vị trí đề nghị bổ sung: Thuộc phạm vi quy hoạch cụm cảng cạn (ICD) nêu trên.

- Quy mô quy hoạch cảng thủy nội địa:

+ Quy hoạch đến năm 2030 công suất 3 triệu tấn/năm, cỡ tàu lớn nhất 2000 tấn;

+ Giai đoạn sau 2030 có công suất 5 triệu tấn/năm, cỡ tàu lớn nhất 2000 tấn.

(Có báo cáo tóm tắt bổ sung quy hoạch kèm theo)

Kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải xem xét, chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT;
- Cục ĐTNĐ VN;
- Cục Hàng hải VN;
- Các Sở: GTVT, KHĐT, XD, TNMT;
- CVP, PVP: Nhung, Long; P. KTTC;
- Lưu: VT. VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

binhht_CVUB_774

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Tân



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 418/BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 19 tháng 11 năm 2019*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 Và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2019

Thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-HĐND, ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2019, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện năm 2019 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Ngay từ đầu năm 2019, thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP, ngày 01/01/2019 của Chính phủ, về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; các Nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo sau:

– Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 *(Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019).*

– Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2019 *(Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 02/01/2019).*

– Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng năm 2021 *(Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 22/02/2019).*

– Triển khai thực hiện Chỉ thỉ số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019 *(Công văn số 1058/UBND-TKTH ngày 24/5/2019).*

– Triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững *(Công văn số 1147/UBND-TKTH ngày 05/6/2019).*

– Triển khai thực hiện Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 10/5/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế *(Công văn số 1193/UBND-TKTH ngày 11/6/2019).*

– Triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 19/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam *(Công văn số 1913/UBND-TKTH ngày 05/9/2019).*

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã đề ra 8 nhiệm vụ trọng tâm với các giải pháp chủ yếu và giao cụ thể cho các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện. Đồng thời, tổ chức 44 cuộc họp hội ý Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh với 180 nội dung để kịp thời có ý kiến chỉ đạo đối với các nội dung cấp bách. Song song đó, qua triển khai thực hiện Chương trình công tác, đã giải quyết 124 nội dung thông qua 13 phiên họp UBND tỉnh, trong đó có 33 nội dung phát sinh ngoài Chương trình công tác, còn tồn 15 nội dung trong Chương trình công tác (05 nội dung sẽ trình trong tháng 12/2019, 02 nội dung chuyển sang năm 2020 do chưa có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương hoặc có nội dung do các Nghị định mới ban hành có hiệu lực đến thời điểm xây dựng dự thảo đề án cần điều chỉnh, cập nhật để đảm bảo tính khả thi, chặt chẽ khi thực hiện và phù hợp với các quy định của Trung ương và 08 nội dung không trình do thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, chưa đủ cơ sở xây dựng và dừng thực hiện để rà soát, điều chỉnh, bổ sung dự án khác trước khi thực hiện nhằm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn ước thực hiện 56.371 tỷ đồng, tăng 8,4% so với CK (*KH 2019: tăng 8% trở lên*), trong đó: công nghiệp - xây dựng đóng góp 5,6 điểm phần trăm; dịch vụ 2,1 điểm phần trăm; nông - lâm - thủy sản 0,1 điểm phần trăm, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 0,6 điểm phần trăm. GRDP bình quân đầu người đạt 2.940 USD *(KH 2019: 2.900 USD).*

Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng; dịch vụ; nông - lâm - thủy sản (*chưa tính thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm*) trong GRDP theo giá hiện hành: 41% - 33% -21% -(*KH 2019: 41 - 42%; 31 - 32%;23 - 24%*).

Giá trị sản xuất công nghiệp thực hiện 89.109 tỷ đồng, tăng 16,3% so với CK *(KH 2019: tăng 14,5% trở lên).* Trong đó, khu vực đầu tư nước ngoài tăng 23,2%, khu vực nhà nước tăng 3% và khu vực ngoài nhà nước tăng 1,4%. Giá trị sản xuất của các doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp chiếm 64% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tăng 21% so CK. Thực hiện tốt công tác điều hòa, cung ứng điện đảm bảo cho sản xuất và sinh hoạt. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,62%. Trong năm 2019 có 09 dự án điện mặt trời với tổng công suất vận hành hiện tại 678 MWp. Các nhà máy đang vận hành ổn định sau khi đóng điện hòa lưới.

Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ ước thực hiện 30.737 tỷ đồng, tăng 6,3% so với CK *(KH 2019: tăng 6% trở lên).* Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn ước đạt 80.618 tỷ đồng, tăng 9,7% so CK.

Hoạt động kinh doanh du lịch có nhiều chuyển biến tích cực, lượng du khách và doanh thu tăng so với cùng kỳ. Doanh thu du lịch đạt 1.100 tỷ đồng, đạt 100% KH, tăng 18,2% so với CK; khách lưu trú tăng 8,7%, khách lữ hành tăng 10,4% so với CK, khách tham quan tại các khu điểm du lịch hơn 3 triệu lượt, đạt 100% so với KH, tăng 10% so với CK.

Công tác quản lý thị trường: Đã kiểm tra 1.286 vụ, kết quả xử lý 345 vụ vi phạm. Tổng số tiền nộp ngân sách 2.639 triệu đồng.

Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản ước thực hiện 26.007 tỷ đồng, bằng 96% so với KH, tăng 0,4% so với CK *(KH 2019: tăng 4,5% trở lên).*

Tổng diện tích gieo trồng các cây hàng năm ước đạt 259.717 ha, giảm 2,3% so với KH, bằng so với CK. Cơ cấu cây trồng chuyển dịch theo hướng tập trung, vùng sản xuất chuyên canh cây mì, rau củ quả, cây ăn trái tương đối ổn định gắn với thị trường và công nghiệp chế biến, vùng chuyên canh mía giảm mạnh. Trong năm 2019, đã chuyển đổi 452,2 ha mía, lúa, cao su hiệu quả kinh tế thấp sang trồng các cây trồng có tiềm năng và giá trị cao như: sầu riêng, nhãn, xoài, bưởi, chuối, mít... Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh đã chuyển đổi trên 10.000 lượt ha cây trồng.

Tình hình sâu bệnh gây hại trên các loại cây trồng chính chủ yếu ở mức nhiễm nhẹ. Riêng bệnh khảm lá trên khoai mì tiếp tục phát sinh gây hại trên diện rộng, tính đến ngày 30/10/2019 tổng diện tích nhiễm khảm lá 40.738,5 ha, tăng 17,2% so với CK, tuy nhiên mức độ hại giảm mạnh so với các năm 2017 - 2018.

Tiếp tục chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô trang trại, gia trại tập trung, đảm bảo an toàn sinh học. Hiện nay, trên địa bàn có 1.467 trang trại, gia trại (tăng 2,37% so với cùng kỳ); có 58 cơ sở chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận VietGAHP (28 cơ sở chăn nuôi gà, 30 cơ sở chăn nuôi heo). Diễn biến tình hình dịch tả lợn Châu Phi, toàn tỉnh có 1.850 hộ bị thiệt hại, số heo chết và tiêu hủy 30.908 con với trọng lượng tiêu hủy 1.790 tấn. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 15,4%.

Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 775 ha, đạt 98,7% KH, tăng 4% so với CK. Tổng sản lượng nuôi trồng đạt 11.500 tấn, sản lượng khai thác nội địa đạt 3.500 tấn.

Đã xảy ra 81 vụ vi phạm quy định về Luật Lâm nghiệp, giảm 24 vụ so với CK. Dự kiến đến cuối năm, kéo giảm khoảng 30% số vụ phạm quy định về về Luật Lâm nghiệp so với CK. Xảy ra 10 vụ cháy rừng với tổng diện tích bị cháy 13,17 ha, trong đó có 03 vụ cháy rừng trồng với diện tích 9,3 ha và 07 trường hợp cháy rừng tự nhiên với diện tích 3,87 ha. Hầu hết các trường hợp cháy chủ yếu là cháy lớp thảm thực vật, cây bụi, chồi cây tái sinh và đã được phát hiện, ngăn chặn kịp thời, không gây thiệt hại lớn.

Xảy ra 120 vụ thiên tai, tăng 53 vụ so với CK; có 01 người chết, 14 người bị thương, 1.092 căn nhà bị sập, tốc mái, 408 căn nhà bị ngập, 2.254 ha cây trồng bị ảnh hưởng và một số thiệt hại khác. Tổng giá trị thiệt hại 32,4 tỷ đồng (tăng 22 tỷ đồng).

Diện tích mía đã được đầu tư, bao tiêu kết thúc niên vụ 2018-2019 ước đạt 19.036 ha, bằng 92,7% so với CK. Trong đó: đầu tư trong tỉnh 12.925 ha; đầu tư tại Campuchia 6.111 ha. Khối lượng mía đưa vào sản xuất 1.324.098 tấn, sản xuất được 129.988 tấn đường.

Ước khối lượng củ mì đưa vào chế biến đạt 3.598 ngàn tấn, sản xuất được 899 ngàn tấn bột.

Tổng diện tích cây cao su đạt 98.100 ha, giảm 2,5% so với CK. Diện tích cao su đang khai thác 92.500 ha. Sản lượng mủ chế biến đạt 196.100 tấn, năng suất bình quân 2,12 tấn/ha.

Về chương trình xây dựng nông thôn mới: Dự kiến cuối năm 2019 có thêm 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt kế hoạch đề ra, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 42/80 xã. Huyện Hòa Thành là đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 3.968 triệu USD, bằng 95% so với CK *(KH 2019: tăng 20%).* **Kim ngạch nhập khẩu** ước thực hiện 3.438 triệu USD, tăng 15% so với CK *(KH 2019: tăng 20%).*

Đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện 33.962 tỷ đồng, bằng 42,7% GRDP *(KH 2019: 35% GRDP)*, tăng 22% so với CK.

Thu hút đầu tư nước ngoài: Đạt 1.484 triệu USD, tăng 91,3% so với CK. Lũy kế, trên địa bàn tỉnh có 321 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký là 7.255 triệu USD, đã có 233 dự án đi vào hoạt động với số vốn 4.936 triệu USD; 37 dự án đang xây dựng với số vốn 1.317 triệu USD; 38 dự án chưa triển khai với số vốn 968 triệu USD; 13 dự án dừng hoạt động với số vốn 34 triệu USD. Vốn thực hiện lũy kế đạt khoảng 52% tổng vốn đăng ký.

Thu hút đầu tư trong nước: Đạt 4.625 tỷ đồng, giảm 67% so với CK[1]. Lũy kế, trên địa bàn tỉnh có 522 dự án đầu tư còn hiệu lực với vốn đăng ký 74.186 tỷ đồng; trong đó có 294 dự án đi vào hoạt động với số vốn 38.722 tỷ đồng, 62 dự án đang triển khai xây dựng với số vốn 17.580 tỷ đồng, 145 dự án chưa xây dựng với số vốn 16.686 tỷ đồng, 21 dự án dừng hoạt động với tổng vốn đầu tư 1.198 tỷ đồng. Vốn thực hiện đạt khoảng 28% so với vốn đăng ký.

Phát triển doanh nghiệp: Cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 657 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký là 10.439 tỷ đồng, so với CK tăng 16,7% về số doanh nghiệp và tăng 1,1 lần về vốn đăng ký; có 192 doanh nghiệp giải thể với số vốn 617 tỷ đồng *(CK giải thể 201 doanh nghiệp với vốn 932 tỷ đồng).* Lũy kế hiện có 5.684 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 107.608 tỷ đồng.

Kinh tế tập thể: Thành lập 17 hợp tác xã, 476 thành viên, tổng vốn điều lệ 7,6 tỷ đồng; giải thể 01 hợp tác xã. Lũy kế, có 130 hợp tác xã, với 30.848 thành viên, tổng vốn điều lệ khoảng 234 tỷ đồng.

---

[1] Nguyên nhân do trong năm 2018 có 6 dự án điện mặt trời tranh thủ chính sách khuyến khích đầu tư đã được cấp mới với vốn đầu tư lớn (khoảng 6.317 tỷ đồng), một số dự án tăng vốn đột biến gồm: Tanifood tăng 999 tỷ đồng, Dự án Công ty Tín Thác Hoàng Thái Gia tăng vốn 1.500 tỷ đồng đầu tư dự án điện mặt trời. Thống kê vốn đầu tư gồm: vốn cấp mới cộng vốn điều chỉnh tăng, trừ vốn đầu tư giảm trong kỳ.

Về đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu (*ước đến 31/12/2018*): Thu hút mới đầu tư trong và ngoài nước vào các Khu công nghiệp, Khu kinh tế đạt 1.424 triệu USD và giảm 516 tỷ đồng. Bao gồm: Cấp giấy chứng nhận đầu tư mới cho 35 dự án *(33 nước ngoài và 02 trong nước)* với vốn đăng ký 1.076 triệu USD và 42 tỷ đồng; tăng vốn 32 lượt dự án *(31 nước ngoài và 01 trong nước)* với số vốn là 388 triệu USD và 64 tỷ đồng; giảm vốn 02 lượt dự án *(01 nước ngoài và 01 trong nước)* với số vốn giảm 40 triệu USD và 621 tỷ đồng. Thu hồi giấy chứng nhận đầu tư 17 dự án *(04 nước ngoài và 13 trong nước)* với vốn đăng ký 11 triệu USD và 849 tỷ đồng. Lũy kế, có 347 dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế *(252 nước ngoài và 95 trong nước)* với vốn đăng ký 6.736 triệu USD và 17.835 tỷ đồng, đã có 238 dự án đi vào hoạt động.

Các cụm công nghiệp thu hút mới 1 dự án FDI với vốn đăng ký 60 triệu USD. Lũy kế có 22 dự án đăng ký hoạt động với vốn đăng ký 76 triệu USD và 1.694 tỷ đồng tại 6 cụm công nghiệp, trong đó 14 dự án đang hoạt động, 04 dự án đang triển khai, 02 dự án chưa triển khai, 02 dự án ngưng hoạt động. Vốn thực hiện ước tính 12 triệu USD và 601 tỷ đồng.

Về đầu tư trung tâm thương mại, siêu thị, dịch vụ: Năm 2019, đã đưa vào hoạt động dự án Khu C-D chợ Long Hoa; dự kiến hoàn thành xây dựng Dự án siêu thị tại thị trấn Dương Minh Châu và thị trấn Tân Biên do Liên hiệp hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư. Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để mời gọi đầu tư dự án siêu thị tại thị trấn Bến Cầu, dự án Trung tâm thương mại, khách sạn tại thị trấn Gò Dầu.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước thực hiện 9.366 tỷ đồng, tăng 17,1% dự toán *(Dự toán: 8.000 tỷ đồng)*, tăng 22,1% so với CK. Trong đó: Thu nội địa 8.000 tỷ đồng, tăng 8,8% dự toán, tăng 17,6% so với CK; Thu thuế xuất nhập khẩu: 1.366 tỷ đồng, tăng 1,1 lần dự toán, tăng 59% so với CK.

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 9.921 tỷ đồng, tăng 12,7% dự toán *(Dự toán năm 2019: 8.800 tỷ đồng)*, tăng 19,5% so với CK.

Tổng KH vốn XDCB năm 2019 là 2.823,367 tỷ đồng *(không kể nguồn bội chi NS địa phương: 60,9 tỷ đồng)*. Đến ngày 31/10/2019 đã giải ngân 1.809,772 triệu đồng, đạt 64,10% kế hoạch. Ước khối lượng thực hiện năm 2019 là 2.823,367 tỷ đồng và giải ngân năm 2019 là 2.823,367 tỷ đồng, đạt 100% KH, tăng 4,15% so cùng kỳ *(Năm 2018 là 2.710,819 tỷ đồng)*.

Tín dụng: Tổng vốn huy động của hệ thống ngân hàng ước thực hiện đến cuối tháng 12/2019 đạt 45.598 tỷ đồng, tăng 12% so với CK. Tổng dư nợ cho vay ước đạt 57.376 tỷ đồng, tăng 16% so với CK, nợ xấu chiếm 0,33% so với tổng dư nợ.

2. Các hoạt động văn hóa – xã hội

Ngành giáo dục và đào tạo từng bước hoàn chỉnh, hiện đại về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; phát triển đội ngũ nhà giáo, đổi mới quản lý giáo dục; đổi mới các hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá người học. Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng và quản lý quá trình đào tạo, chất lượng đầu ra. Tổ

chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2019, tỷ lệ học sinh thi đậu tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 97,0% (*năm học trước: 97,1%*); tỷ lệ học sinh được xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,99% *(năm học trước: 100%)*; xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99,0% (*năm học trước: 99,3%*). Năm học 2019-2020, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (*năm học trước: 100%*); tuyển mới vào lớp 6 chiếm 99,2% (*năm học trước: 98,5%*); tuyển mới vào lớp 10 đạt 77,7% số học sinh hoàn thành chương trình THCS *(năm học trước: 80,2%*). Ước đến cuối năm 2019, công nhận 05 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 195 trường. Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025" trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Năm 2019, đã phê duyệt 32 nhiệm vụ khoa học công nghệ[2], nghiệm thu 06 nhiệm vụ. Kiểm tra tiêu chuẩn đo lường chất lượng hàng hóa 228 cơ sở kinh doanh xăng dầu, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em,...kết quả không phát hiện cơ sở vi phạm. Thực hiện 196 hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ, kiểm định và hiệu chuẩn đo lường 2.254 phương tiện đo, đạt 100%. Ban hành Kế hoạch thực hiện dự án "*Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Tây Ninh*" năm 2019, Kế hoạch triển khai thực hiện ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân cấp tỉnh năm 2019-2020. Cập nhật, đăng tải 222 tin hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác khoa học công nghệ với Trường Đại học Bách Khoa – Đại học quốc gia TP.HCM".

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện, tập trung thực hiện 04 dự án quan trọng[3] nhằm nâng cao năng lực chuyên môn ngành y tế tỉnh. Các bệnh viện tư được tiếp tục đầu tư nâng quy mô giường bệnh, Bệnh viện đa khoa tư nhân Hồng Hưng và Bệnh viện đa khoa tư nhân Xuyên Á đang đẩy nhanh tiến độ xây dựng để hoàn thành đi vào hoạt động năm 2020. Tỷ lệ trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia đến cuối năm đạt 100% (*95/95 xã, phường*). Không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn, tuy nhiên một số bệnh truyền nhiễm có số ca mắc cao (*bệnh sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng*). Xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm 16 người, không có tử vong. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 11,0% *(KH 2019: 11%),* số giường bệnh/vạn dân ước đạt 21 giường (*KH 2019: 21 giường)* và đạt 7,2 bác sĩ/vạn dân *(KH 2019: 6,8 bác sĩ)*. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,5% so với dân số toàn tỉnh *(KH2019: 85,5%).*

Công tác chăm lo cho các đối tượng hưởng chính sách xã hội, người có công với cách mạng, người nghèo được thực hiện kịp thời. Xây dựng Đề án hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020. Xây tặng 269 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, xây mới 65 căn và sửa chữa 121 căn nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách. Số lao động có việc làm tăng thêm khoảng 17.500 lao động *(17.000 lao động)*, trong đó có 470 lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo đạt 68% (*68%*). Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,85% *(giảm 0,5%).*

---

[2] Cấp quốc gia: 01 nhiệm vụ; cấp tỉnh 23 nhiệm vụ (trong đó, năm trước chuyển sang là 21 nhiệm vụ); cấp cơ sở 08 nhiệm vụ;
[3] Dự án bệnh viện vệ tinh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, Dự án hệ thống thông tin tim mạch (Muse), Dự án thiết lập hệ thống Hội chẩn y tế trực tuyến/từ xa (Telemedicine) và Dự án Nâng cao chất lượng hoạt động của Bệnh viện đa khoa tỉnh.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, biểu diễn nghệ thuật phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của Nhân dân. Tổ chức thành công sự kiện "Ngày Tây Ninh tại Hà Nội" năm 2019. Phong trào thể dục thể thao trong tỉnh phát triển mạnh ở các loại hình như: bóng đá mini, cầu lông, quần vợt, bóng bàn, bơi lội, thể dục dưỡng sinh, thể dục thẩm mỹ; các đội thi đấu thể thao đạt thành tích cao[4]. Đăng cai tổ chức Giải đua xe Mô tô toàn quốc "*Cúp vô địch quốc gia năm 2019*", Giải Quần vợt vô địch đồng đội quốc gia tranh cúp Hải Đăng năm 2019. Công tác tôn tạo, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa và tổ chức công nhận, công bố các di sản văn hóa phi vật thể được quan tâm; các hoạt động thông tin, tuyên truyền cổ động được thực hiện bằng nhiều hình thức, tạo sự lan tỏa, thiết thực.

3. Tài nguyên- Môi trường

Về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các loại đất *(GCN)*: Đã thực hiện cấp được 231 GCN cho tổ chức với tổng diện tích 713,73 ha; 2.601 GCN lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 812,66 ha.

Tập trung chỉ đạo kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản. Cấp 03 quyết định gia hạn khai thác khoáng sản, 09 quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vật liệu san lấp và tài nguyên nước, 01 quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đất san lấp, 05 quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình khai thác nước dưới đất, 03 quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đất san lấp. Ban hành 11 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 cá nhân, 08 tổ chức với tổng số tiền xử phạt 404,5 triệu đồng, tịch thu tang vật tương đương 1,9 tỷ đồng.

Duy trì kiểm soát thường xuyên các nguồn nước thải xả vào lưu vực sông. Đã triển khai kiểm tra, khảo sát chất lượng nước sông, suối, kênh, rạch tại khu vực rạch Tây Ninh, sông Vàm Cỏ Đông và khu vực sông, suối thuộc huyện Bến Cầu giáp tỉnh Svay Rieng, Campuchia. Qua kết quả khảo sát, chất lượng nước khu vực sông, suối thuộc huyện Bến Cầu giáp tỉnh Svay Rieng, Campuchia không đạt quy chuẩn cho phép, đang tiến hành xử lý.

4. Quốc phòng- An ninh; Công tác nội chính

Công tác quân sự- quốc phòng địa phương: Thực hiện Đề án xây dựng điểm dân cư liền kề chốt dân quân biên giới giai đoạn 2019-2025. Phối hợp Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tổ chức xây dựng, khánh thành và bàn giao 10 căn nhà ở điểm dân cư liền kề chốt dân quân Bến Cừ, Ninh Điền (Châu Thành), chốt dân quân Cây Mít Mọi (Tân Châu). Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ ở 02 huyện Dương Minh Châu và Tân Châu. Thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2019. Tổ chức các hoạt động kỉ niệm 40 năm Chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng; kỷ niệm 60 năm Ngày Truyền thống Bộ đội Biên phòng (03/3/1959 – 03/3/2019) và 30 năm Ngày

[4] Tổng số huy chương của các đội thi đấu đạt được 254 huy chương các loại (49 HCV- 77 HCB- 128 HCĐ), 14 vận động viên kiện tướng quốc gia, 32 vận động viên cấp 1 quốc gia.

Biên phòng toàn dân (03/3/1989 – 03/3/2019). Tổng kết 10 năm xây dựng nền Quốc phòng toàn dân gia đoạn 2009-2019; tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Đề án "Bố trí, sắp xếp, ổn định 3 khu dân cư biên giới Bắc Tây Ninh" giai đoạn 2008-2019. Tổng kết hoạt động hợp tác năm 2018 và ký kết biên bản hợp tác năm 2019 với Tiểu khu Quân sự 04 tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia (Svay Riêng, Prây Veng, Tbong Khmum và Ốt Đô Chây). Thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh ở Campuchia giai đoạn XVIII *(tính đến ngày 31/10/2019)* được 254 bộ (trên địa bàn tỉnh: 15 bộ).

Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới:

Tình hình trật tự an toàn xã hội *(Từ ngày 15/12/2018-14/10/2019)*: Tiếp nhận 1.158 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự (tăng 79 vụ so với CK), làm rõ 1.016 vụ với 1.808 đối tượng, đạt 87,7% (giảm 0,5% so với CK), vượt chỉ tiêu Nghị quyết số 37/2013/NQ-QH13 của Quốc hội đề ra (70%); trong đó tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng là 192 vụ (giảm 08 vụ so với CK), điều tra làm rõ được 180 vụ 257 đối tượng, đạt 93,8% (giảm 0,3% so với CK), vượt chỉ tiêu Nghị quyết số 37/2013/NQ-QH13 của Quốc hội đề ra (90%), cụ thể: về trật tự xã hội: phát hiện 685 vụ *(giảm 22 vụ)*, điều tra làm rõ 568 vụ, với 1.246 đối tượng, đạt 82,9%; về ma túy: phát hiện 307 vụ (tăng 85 vụ), điều tra làm rõ 301 vụ với 384 đối tượng, đạt 98,1%; về kinh tế: phát hiện 44 vụ *(giảm 02 vụ)*, điều tra làm rõ 43 vụ, với 62 đối tượng, đạt 97,7%; về giao thông: phát hiện 99 vụ, điều tra làm rõ 84 vụ với 84 đối tượng, đạt 84,9%; về tham nhũng: phát hiện và điều tra làm rõ 06 vụ *(tăng 03 vụ) với 08 đối tượng*; về lĩnh vực khác: phát hiện 17 vụ (tăng 03 vụ), điều tra làm rõ 14 vụ với 24 đối tượng, đạt 82,4%.

Tổ chức tuyên truyền phòng, chống tội phạm được 37 cuộc, với 8.807 lượt người tham dự; tuyên truyền phòng, chống ma túy được 79 cuộc, với 22.734 lượt người tham dự; bắt và xử lý 62 vụ cờ bạc, bắt 33 vụ với 66 đối tượng cho vay nặng lãi.

Xảy ra 18 vụ cháy *(giảm 11 vụ so với CK)*, làm bị thương nhẹ 01 người, thiệt hại về tài sản khoảng 36,7 tỷ đồng.

Tình hình tai nạn giao thông *(Số liệu từ ngày 15/12/2018 đến ngày 07/11/2019 của Ban an toàn giao thông tỉnh):* Tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 128 vụ, làm chết 56 người, bị thương 110 người *(so với CK: giảm 78 vụ, 25 người chết, 56 người bị thương)*. Tai nạn giao thông đường thủy không xảy ra.

Tình hình an ninh chính trị khu vực biên giới cơ bản ổn định. Công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia: Lũy kế đến nay đã phân giới được khoảng 228/240 km, xác định được 94/101 vị trí mốc với 102/109 cột mốc và xây dựng hoàn chỉnh được 102/109 cột mốc chính, xây dựng hoàn thiện 218 mốc số hiệu chẵn *(bao gồm 172 mốc phụ và 46 cọc dấu)*.

5. Công tác tư pháp, thi hành án dân sự

Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được 6.730 cuộc, với hơn 239.911 lượt người tham dự; Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh 6.756

giờ; Tủ sách pháp luật có 2.490 lượt người tìm hiểu. Truyền thông công tác trợ giúp pháp lý 73 đợt, phát 19.811 tờ gấp các loại cho 3.873 lượt người tham dự, giải đáp thắc mắc về pháp luật cho 405 lượt người dân.

Công tác hòa giải cơ sở: Đã thụ lý 735 vụ, đã đưa ra hòa giải 729 vụ; trong đó hòa giải thành 620 vụ, đạt tỷ lệ 85%.

Về thi hành án dân sự *(Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/9/2018)*: Tổng số thụ lý là 31.807 việc *(tăng 1.050 việc so với CK)*. Kết quả xác minh phân loại có 22.371 việc có điều kiện thi hành, chiếm tỷ lệ 71,2%; thi hành xong 16.560 việc, đạt 74,02%.

6. Công tác thanh, kiểm tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại tố cáo (*Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 30/9/2019*):

Thanh tra hành chính: Các cơ quan thanh tra đã triển khai 58 cuộc *(47 cuộc theo kế hoạch và 11 cuộc đột xuất)*, chủ yếu thanh tra lĩnh vực tài chính ngân sách *(27/58 cuộc chiếm 47%)*, còn lại là các lĩnh vực đất đai, quản lý hành chính, xây dựng cơ bản. Đã ban hành kết luận 42 cuộc, qua thanh tra phát hiện vi phạm 6.078 triệu đồng và 2.519.922 m^2 đất, kiến nghị thu hồi 4.643 triệu đồng và 461.860 m^2, đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước 1.797 triệu đồng, kiến nghị khác 1.435 triệu đồng và 2.058.062 m^2 đất; kiến nghị xử lý hành chính 07 tổ chức, 43 cá nhân. Chuyển Cơ quan điều tra để tiếp tục điều tra làm rõ 01 vụ 05 đối tượng.

Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thực hiện được 6.829 cuộc với 29.431 cá nhân và 1.157 tổ chức. Qua thanh tra, phát hiện 1.080 cá nhân và 358 tổ chức vi phạm, kiến nghị thu hồi 92 triệu đồng; ban hành 1.227 quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền phạt là 7,6 tỷ đồng. Số tiền đã thu qua kiến nghị thu hồi và xử phạt vi phạm hành chính là 7,5 tỷ đồng. Vi phạm chủ yếu thuộc lĩnh vực giao thông, môi trường, kiểm dịch, y tế.

Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân: Tiếp được 4.048 lượt với 3.872 người đến trình bày 3.699 vụ việc. Tổng số đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị nhận được là 1.996 đơn, đơn đủ điều kiện xử lý là 1.469 đơn *(311 đơn khiếu nại; 64 đơn tố cáo và 1.094 đơn phản ánh, kiến nghị)*. Số đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết là 146 đơn *(130 đơn khiếu nại, 16 đơn tố cáo)*, đã giải quyết 119 đơn *(104 đơn khiếu nại, 15 đơn tố cáo)*.

7. Công tác phòng, chống tham nhũng

Tổ chức triển khai, phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản có liên quan với 1.961 cuộc, 64.227 lượt người tham dự, đồng thời triển khai hơn 69 tài liệu quán triệt các nội dung liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng.

Tiếp tục duy trì thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định; tổ chức công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 theo đúng quy định,

trong đó đã phát hiện xử lý 02 trường hợp[5], xử lý trách nhiệm thủ trưởng đơn vị để xảy ra tham nhũng 03 vụ[6].

Trong công tác điều tra, truy tố, xét xử vụ án tham nhũng: Khởi tố 10 vụ với 16 bị can; truy tố 02 vụ; xét xử 05 vụ.

8. Xây dựng chính quyền và cải cách hành chính

Thực hiện chủ trương thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thành Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh kể từ ngày 01/01/2019. Sắp xếp, kiện toàn tinh giảm 01 cơ quan, 26 phòng chuyên môn, 07 chi cục thuộc các sở, ban, ngành UBND tỉnh, giảm 27 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và 43 đơn vị sự nghiệp cấp huyện. Các sở, ban ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các huyện, thành phố đã chủ động triển khai, xây dựng Đề án kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tính đến ngày 30/9/2019, đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của 19/19 Sở, ban, ngành tỉnh; 09/09 UBND các huyện, thành phố và 570/700 đơn vị sự nghiệp công lập *(đạt tỉ lệ 80,1%)*.

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết sáp nhập các ấp thuộc xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu; Nghị quyết thành lập thị xã Hòa Thành và các phường thuộc thị xã Hòa Thành; Nghị quyết sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Trảng Bàng; Nghị quyết thành lập thị xã Trảng Bàng và các phường thuộc thị xã Trảng Bàng. Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Nội vụ thẩm định Đề án thành lập thị xã Trảng Bàng, thị xã Hòa Thành.

Trung tâm Hành chính công tỉnh hoạt động ổn định, có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước, đúng hạn đạt 98,7%. Thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả các thủ tục hành chính trên ứng dụng Zalo. Tính đến ngày 10/11/2019, đã tiếp nhận và giải quyết được 2.440 hồ sơ qua zalo (tương đương dịch vụ công trực tuyến mức độ 3); tổng số lượt truy cập Cổng hành chính công tỉnh trên mạng xã hội Zalo là 27.515 lượt.

Môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh đã được cải thiệt rất rõ nét. Kết quả tổng hợp Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2018, Tây Ninh xếp hạng thứ 14/63 tỉnh, thành với 64,54/100 điểm *(tăng 5 bậc so với năm 2017)*, xếp hạng thứ 3/6 tỉnh, thành vùng Đông Nam bộ.

9. Công tác đối ngoại và hợp tác

Quan hệ hợp tác phát triển giữa Tây Ninh và các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được mở rộng, việc liên kết giữa các tỉnh thành đang được đẩy mạnh.

---

[5] Ông Trần Thanh Dũng, Trưởng phòng KTHT huyện Dương Minh Châu bị khai trừ Đảng, cách chức Trưởng phòng KTHT; Ông Nguyễn Xuân Trường, Trưởng phòng TNMT huyện Châu Thành bị xử lý hình thức cảnh cáo về mặt Đảng.

[6] Trường THCS Thị trấn Tân Biên, trường TH Lê Anh Xuân, UBND xã Tân Hà.

Công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả tích cực, trở thành mô hình đối ngoại an toàn khởi sắc. Tổ chức các đoàn xúc tiến thương mại, trao đổi kinh nghiệm xúc tiến đầu tư và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước: Thái Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Lào, Indonexia, Myanma, Nga, Belarus. Đồng thời, tổ chức sơ kết 1 năm thực hiện thỏa thuận hợp tác với các tỉnh Campuchia góp phần thắt chặt hơn nữa mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống tốt đẹp giữa tỉnh Tây Ninh với các tỉnh giáp biên giới thuộc Vương quốc Campuchia. Trình Thủ tướng Chính phủ Đề án công nhận cửa khẩu phụ Tân Nam lên cửa khẩu quốc tế. Công tác phân giới cắm mốc đã hoàn thành kế hoạch Trung ương giao, góp phần hòa vào sự kiện pháp lý quan trọng của 2 quốc gia Việt Nam - Campuchia việc ký kết văn kiện pháp lý công nhận 84% kết quả phân giới cấm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

UBND tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh về nhiệm vụ năm 2019; tập trung đôn đốc các ngành, các cấp khẩn trương hoàn thành các chương trình, đề án đã đề ra trong Chương trình công tác. Ban chỉ đạo và các Nhóm công tác thực hiện những giải pháp mang tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017- 2021 luôn duy trì chế độ họp định kỳ, đôn đốc công việc đã mang lại nhiều kết quả tích cực.

Công tác chuẩn bị các nội dung về kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh phục vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI được chuẩn bị ngay từ những tháng đầu năm.

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định và khá toàn diện trên các lĩnh vực, trong đó có một số mặt đạt được đáng chú ý, cụ thể:

Tổng sản phẩm ước tăng 8,4% (KH tăng trên 8%), cao hơn mức bình quân chung của cả nước (ước 6,8%) và cũng là năm có mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm trở lại đây. GRDP bình quân đầu người đạt 2.940 USD *(KH 2.900 USD)*, cao hơn bình quân cả nước (ước 2.786 USD/người).

Ngành công nghiệp tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng cao nhất và cao hơn mức tăng chung GRDP. Khu, cụm công nghiệp ngày càng chiếm vai trò quan trọng, chiếm 64% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành. Ngành công nghiệp năng lượng tái tạo đã phát huy tốt tiềm năng của tỉnh, tạo ra động lực tăng trưởng mới.

Tỉnh đã phê duyệt Đề án phát triển chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh, là cơ sở quan trọng phát huy tiềm năng, thế mạnh nông sản tỉnh và thu hút đầu tư vào nông nghiệp; xu hướng chuyển đổi cây trồng sang cây có giá trị kinh tế chuyển biến tích cực. Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 42/80 xã, vượt kế hoạch đề ra (KH phấn đấu cuối năm 2020 có 40 xã đạt chuẩn nông thôn mới). Xây dựng nông thôn mới thực sự mang lại đổi thay diện mạo địa bàn nông thôn tỉnh, đời sống nhân dân ngày càng nâng cao.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước tăng 17,1% so dự toán, tăng 22,1% so với CK, trong đó thu nội địa 8.000 tỷ đồng, tăng 8,8% dự toán, tăng 17,6% so với CK. Trong khi mức tăng bình quân của cả nước, tổng thu ngân sách tăng khoảng 2,27% so với CK, trong đó thu nội địa tăng 7,72% so dự toán, tăng 4,08% so cùng kỳ.

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tăng so với kế hoạch đề ra: chiếm 42,7% so với GRDP *(KH là 35%, mức bình quân chung cả nước: 33,8%).*

Cấp mới FDI tăng 150,7% và thu hút FDI xếp thứ 6/63 tỉnh thành. Phát triển Doanh nghiệp tăng đáng kể *(tăng 16,7% so với CK về số doanh nghiệp, tăng 1,1 lần về vốn đăng ký).*

Một số đô thị có tốc độ đô thị hóa nhanh như Trảng Bàng, Gò Dầu và Thành phố Tây Ninh, đã được tập trung nguồn lực chỉnh trang đô thị và thu hút được nhiều dự án thương mại, siêu thị, nhà ở đô thị góp phần thay đổi rõ nét bộ mặt đô thị mới.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có các hệ thống siêu thị phủ khắp các huyện, thành phố như: Hệ thống Siêu thị CoopMart: 07 siêu thị (Phước Đông, Gò Dầu, Trảng Bàng, Thành phố, CoopMart SCA, Châu Thành, Tân Châu); 05cửa hàng Vinmart; 35 cửa hàng Bách Hóa Xanh...đã phục vụ tốt cho nhu cầu của người dân an toàn và thuận lợi.

Công tác bảo vệ tài nguyên môi trường luôn được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, nhất là trong công tác chấn chỉnh việc khai thác cát, khoáng sản làm ảnh hưởng đến nguồn nước hồ Dầu Tiếng.

Tỷ lệ hộ nghèo được kéo giảm xuống đáng kể. Theo kết quả Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015, tổng số hộ nghèo chung (hộ nghèo và hộ cận nghèo chuẩn Trung ương) của tỉnh là 12.584 hộ, chiếm tỷ lệ 4,32% so với tổng số hộ gia đình. Cuối năm 2019, toàn tỉnh còn 5.285 hộ nghèo chung, chiếm tỷ lệ 1,69% tổng số hộ gia đình. Trong đó: hộ nghèo 1.939 hộ, hộ cận nghèo 3.346 hộ. *(có 1.015 hộ không có khả năng thoát nghèo/1.939 hộ nghèo, giảm 394 hộ/904 người so với năm 2018).* Tỷ lệ hộ nghèo chung giảm 2,63% so với năm 2015 (năm 2016 giảm 0,14%; năm 2017 giảm 0,7%; năm 2018 giảm 0,94%; năm 2019, giảm 0,85%).

Hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh đã đạt nhiều kết quả tích cực: Đã đưa toàn bộ những TTHC của các sở, ngành tỉnh (trừ các TTHC đặc thù) vào tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm, kéo giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn còn 1,47%, là tỉnh đầu tiên bổ sung cách thức mới tiếp nhận một số TTHC có thủ tục đơn giản qua mạng xã hội Zalo, góp phần giảm chi phí và thời gian cho nhân dân.

Các cấp, các ngành đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương trong việc xử lý giải quyết các vụ việc phức tạp, đông người, kết quả về cơ bản số vụ việc khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính các cấp đã giảm mạnh, không còn người khiếu nại ở Hà Nội.

Tai nạn giao thông được kéo giảm trên 03 lĩnh vực *(giảm 78 vụ, 25 người chết, 56 người bị thương so với cùng kỳ).* Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, tình hình biên giới được ổn định, nền quốc phòng toàn dân ngày càng vững mạnh, các tiềm lực khu vực phòng thủ được xây dựng ngày càng vững chắc, nâng cao chất lượng tiềm lực chính trị tinh thần, tiềm lực kinh tế, quân sự an ninh, khoa học công nghệ và đối ngoại.

Về công tác, tôn giáo dân tộc: Các chương trình, đề án, dự án, chính sách trên các lĩnh vực như: giáo dục và đào tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe, văn hóa, thể thao, du lịch, nông nghiệp và phát triển, lao động việc làm, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới... đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số. Các chương trình, chính sách dân tộc đều được triển khai thực hiện công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng địa bàn, đúng đối tượng, phát huy hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế, ổn định xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện tốt việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các tỉnh biên giới thuộc Vương quốc Campuchia. Củng cố, thiết lập, phát triển quan hệ với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga, Belarus... và các nước có quan hệ hữu nghị truyền thống khác.

2. Tồn tại, hạn chế

Công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo yêu cầu phát triển mới.

Dịch bệnh, bệnh khảm lá cây mì, dịch tả lợn Châu phi và sự thay đổi của thời tiết đã ảnh hưởng đến sản xuất nông – lâm – thủy sản, một số mặt hàng nông nghiệp phát triển chủ lực gặp khó khăn về giá cả thị trường.

Chuyển dịch cơ cấu cây trồng vẫn còn chậm, chỉ đang ở trong giai đoạn kiến thiết cơ bản, chưa tạo ra hiệu quả và giá trị như mong muốn.

Công tác cải cách hành chính chưa đồng bộ giữa các địa phương. Công tác phối hợp giải quyết TTHC liên thông còn ít, trách nhiệm phối hợp chưa cao. Lãnh đạo một số sở, ngành, địa phương còn thụ động, chậm trễ trong việc phối hợp xử lý.

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư phát triển chưa tốt, có xu hướng dồn về cuối năm. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện chậm.

Công tác tuyển dụng giáo viên mầm non còn chậm, đặc biệt là khu vực nông thôn, biên giới.

Một số cơ sở khám chữa bệnh BHYT có lúc chưa cung ứng đủ, kịp thời thuốc điều trị cho người bệnh BHYT.

Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm mặc dù được chủ động phát hiện xử lý nhiều hơn năm 2018, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố như tội phạm mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, số người sử dụng trái phép chất ma túy tăng là nguồn phát sinh tội phạm như trộm cắp, giết người, cướp tài sản...

3. Nguyên nhân hạn chế

– Khách quan

+ Giá cả mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như mía, cao su xuống thấp, đặc biệt là giá mía thấp hơn giá thành sản xuất, cùng với tình hình dịch bệnh khảm lá trên khoai mì và dịch tả heo Châu Phi gây tác động lớn xấu tới tình hình sản xuất nông nghiệp.

+ Tái cơ cấu có chuyển biến nhưng chưa theo kịp sự biến động thị trường với yêu cầu ngày càng cao, chuyển biến khó lường. Sự biến động thị trường ngày càng khó lường; thay đổi chính sách nhập khẩu của thị trường Trung Quốc tác động không nhỏ đến sản xuất của nông dân nhất là sản phẩm tinh bột mì, cao su, gạo, rau quả thực phẩm.

+ Luật quy hoạch 2017 mới có hiệu lực, hướng dẫn về nguồn vốn lập quy hoạch chưa rõ ràng, mất nhiều thời gian để xác định phân bổ, thẩm định nguồn vốn thực hiện lập, điều chỉnh các quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng, làm chậm tiến độ thực hiện.

+ Chính sách cho nhân lực ở vùng nông thôn chưa có nhiều khác biệt để thu hút nhân lực; công tác đào tạo và tuyển dụng giáo viên mầm non khó khăn vì thiếu nguồn.

– Chủ quan:

+ Công tác chuẩn bị đầu tư các dự án xây dựng cơ bản còn chậm, có nhiều dự án chuẩn bị đầu tư chưa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, dẫn tới quy mô quá lớn, lãng phí, không đảm bảo tính cân đối, nên phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần mới đáp ứng hồ sơ thẩm định, phê duyệt. Công tác đền bù giải tỏa một số dự án trọng điểm chậm, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án.

+ Các chính sách hỗ trợ sản xuất chưa được các địa phương quan tâm chỉ đạo nên chậm đi vào cuộc sống. Một số chính sách chậm ban hành, chưa thúc đẩy được tái cơ cấu nông nghiệp như kỳ vọng.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI NĂM 2020

I. DỰ BÁO THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

Năm 2020 có ý nghĩa rất quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch 5 năm 2016 – 2020, cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 2016 – 2020, kinh tế trong nước được kỳ vọng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng nhờ những chính sách và chỉ đạo quyết liệt từ phía Chính phủ; tình hình chính trị, xã hội ổn định; niềm tin của nhân dân được củng cố. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những hạn chế, bất cập và tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức[7]. Các vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường đang tạo áp lực lớn

[7] Như: chất lượng tăng trưởng, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực cạnh tranh quốc gia cải thiện chưa nhiều; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng nhu cầu; năng lực khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế; thị trường các

đến phát triển bền vững trong bối cảnh ngày càng sâu rộng. Tình hình Biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường.

Tình hình trong tỉnh, dự báo kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện những giải pháp mang tính đột phá sẽ là động lực để thúc đẩy kinh tế phát triển. Môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện sẽ là cơ sở thu hút những dự án đầu tư quy mô lớn. Tuy nhiên, những hạn chế về cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, những vấn đề về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn là những khó khăn, thách thức mà Tây Ninh cũng đang phải đối mặt.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu tăng trưởng kinh tế đạt trên 8%. Thực hiện hiệu quả, thực chất những giải pháp mang tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh. Phát triển kinh tế gắn với phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; tăng cường kỷ luật kỷ cương phòng chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng bộ máy liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a. Các chỉ tiêu kinh tế

– Tổng sản phẩm trên địa bàn *(GRDP)* tăng 8,0% trở lên.

– GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 3.300 USD.

– Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP *(giá hiện hành)*:

+ Công nghiệp – xây dựng: 41% - 42%.

+ Dịch vụ *(chưa tính thuế sản phẩm)*: 32% - 33%.

+ Nông – lâm – thủy sản: 21% - 22%.

– Giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 14,5% trở lên.

---

nhân tố đầu vào sản xuất vận hành chưa hiệu quả, nhất là thị trường nguyên liệu và đầu vào trung gian; khu vực doanh nghiệp trong nước chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạn chế cả về vốn, công nghệ, lao động có kỹ năng và năng lực quản trị... Đồng thời, còn hiện hữu các nguy cơ bẫy thu nhập trung bình và khả năng tụt hậu; nguy cơ chuyển dịch ô nhiễm, công nghệ lạc hậu từ nước ngoài; nguy cơ ô nhiễm môi trường xuyên biên giới, theo dòng chảy...

– Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng từ 6,5% trở lên.

– Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản: 3%.

– Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 10.000 tỷ đồng.

– Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn bằng 35% GRDP.

– Kim ngạch xuất khẩu tăng 12%.

b. Các chỉ tiêu về xã hội

– Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,7%.

– Số lao động có việc làm tăng thêm là 17.000 lao động.

– Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo đạt 70%.

– Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%.

– Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 11%.

– Đạt 7,5 bác sĩ/vạn dân, 25 giường bệnh/vạn dân.

– Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

c. Các chỉ tiêu về môi trường

– Tỷ lệ hộ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh: 100%.

– Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh: 99%.

– Tỷ lệ che phủ của rừng (*bao gồm độ che phủ của cây cao su*) đạt 39,8%. Trong đó, tỷ lệ che phủ của rừng (*đã loại trừ cây cao su*) đạt 16,3%.

– Tỷ lệ các cơ sở y tế, khu công nghiệp, khu chế xuất xử lý chất thải rắn, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: 100%.

– Tỷ lệ đô thị xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Chất thải rắn 100%, nước thải 50%.

– Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Khẩn trương thực hiện lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

2. Tiếp tục thực hiện các giải pháp mang tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, giai đoạn 2017 – 2021; tập trung cơ cấu lại giữa các ngành, lĩnh vực, cụ thể:

– Về công nghiệp và xây dựng: Rà soát các khu công nghiệp trong quy

hoạch, thành lập thêm các khu công nghiệp có đủ điều kiện, chuẩn bị quỹ đất sạch và hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế; tiếp tục phát huy lợi thế thu hút đầu tư vào các KCN, CCN nhưng theo hướng chọn lọc dự án sản xuất có giá trị tăng thêm cao, sử dụng ít đất đai, ít lao động và thân thiện với môi trường.

+ Cơ cấu lại ngành công nghiệp chế biến đường và tinh bột khoai mì phù hợp với tình hình thiếu hụt nguyên liệu và giá cả thấp.

+ Đề xuất mới về đầu tư phát triển thêm các khu công nghiệp, chuyển đổi một số khu vực đất cao su sang phát triển công nghiệp, đô thị dịch vụ và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Tận dụng ưu thế về năng lượng mặt trời, tiếp tục khảo sát đề xuất dự án điện mặt trời mặt nước và vùng bán ngập hồ Dầu Tiếng; đề xuất Trung ương bổ sung quy hoạch, tiếp tục kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sạch, tái tạo.

+ Đẩy nhanh trình tự thủ tục về quy hoạch, đáp ứng đủ điều kiện kêu gọi đầu tư hạ tầng dịch vụ cảng thủy nội địa và trung tâm logistics góp phần giảm chi phí và thời gian cho hoạt động sản xuất công nghiệp.

+ Điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài vảo quy hoạch chung đô thị Mộc Bài; kêu gọi đầu tư và hỗ trợ cho các dự án phát triển đô thị mới gắn liền với các KCN, KKT làm điểm tựa hậu cần cho phát triển công nghiệp bền vững.

+ Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Tây Ninh năm 2020; xây dựng Chương trình khuyến công và công nghiệp hỗ trợ địa phương trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; xây dựng Kế hoạch và kịch bản tổ chức Diễn tập phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh năm 2020.

– Về thương mại - dịch vụ: Nâng cao hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tập trung vào các hàng hoá có lợi thế xuất khẩu, các thị trường tiềm năng và các thị trường khác nhằm đa dạng hoá thị trường xuất khẩu.

+ Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tăng cường xuất khẩu các sản phẩm đã qua sơ chế; áp dụng và đổi mới công nghệ trong nuôi trồng, chế biến để tăng năng suất, hiệu quả cao đối với mặt hàng xuất khẩu.

+ Tập trung triển khai Đề án phát triển cụm ngành du lịch theo lộ trình. Tiếp tục tạo điều kiện cho nhà đầu tư đầu tư phát triển Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen thành khu du lịch đặc sắc, hấp dẫn.

+ Nghiên cứu đa dạng sản phẩm, loại hình du lịch: truyền thống, tâm linh, sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí mang đẳng cấp quốc tế, tạo điểm nhấn, lan tỏa cho du lịch Tây Ninh.

– Về nông – lâm – thủy sản: Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại trồng trọt theo tín hiệu thị trường, từng bước hình thành vùng nguyên liệu hướng tới phục vụ cho chế biến và xuất khẩu.

+ Triển khai thực hiện Đề án Chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh. Tiếp tục thực hiện các Đề án, dự án, mô hình khuyến nông, hỗ trợ sản xuất trên các đối tượng cây trồng thế mạnh của tỉnh như mì, rau quả, cây ăn quả. Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, truyền thông quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tạo cầu nối liên kết các siêu thị, các chợ đầu mối với người sản xuất

nhằm hình thành và đẩy mạnh chuỗi liên kết tiêu thụ hàng nông sản thực phẩm trong tỉnh.

+ Tiếp tục phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao trong chăn nuôi nhằm tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo môi trường, phát triển chăn nuôi ổn định, bền vững.

+ Xây dựng phương án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và xử lý nghiêm các vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản đúng theo quy định.

+ Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo tình hình thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, vận hành công trình cấp nước tập trung.

– Tập trung xử lý dứt điểm các dự án chậm triển khai. Rà soát quy hoạch các phân khu của Thành phố Tây Ninh, Hòa Thành, Gò Dầu và Trảng Bàng để tập trung thu hút đầu tư, chỉnh trang đô thị.

3. Tăng cường kỷ luật tài chính – ngân sách nhà nước; làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đặc biệt đối với các dự án trọng điểm, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; bảo đảm công khai, minh bạch, hạn chế chuyển nguồn ngân sách.

4. Thực hiện đề án đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở ngành, huyện, thành phố; đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tập trung nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg, ngày 05/3/2018 và Chỉ thị số 26/CT-TTg, ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, về tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ theo chủ trương chung. Thường xuyên rà soát đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, kiên quyết thu hồi các dự án chủ đầu tư không đủ năng lực triển khai kéo dài.

5. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực: văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

– Thực hiện có hiệu quả các chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh.

+ Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo, chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương.

+ Từng bước tuyển dụng đủ chỉ tiêu biên chế giáo viên mầm non, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ.

Thực hiện các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo cho vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách.

+ Tập trung cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; chấn chỉnh các trung tâm ngoại ngữ, tin học, từ xa hoạt động không đúng quy định. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đầu ra.

+ Nâng cao chất lượng của hệ thống dịch vụ việc làm, tổ chức tốt sàn giao dịch việc làm, kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia.

– Triển khai đồng bộ các chính sách, giải pháp về an sinh xã hội. Tiếp tục thực hiện đầy đủ, hiệu quả chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Ưu tiên nguồn lực thực hiện các chính sách đối với đồng bào vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, bền vững. Chuẩn bị đón Tết nguyên đán Canh Tý chu đáo, tiết kiệm; tổ chức kỷ niệm 60 năm chiến thắng Tua Hai.

– Thực hiện các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội; quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ; làm tốt công tác bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội. Phân bổ chỉ tiêu giảm hộ nghèo cho các huyện, thành phố cũng như các cơ quan, tổ chức tỉnh cùng tham gia hỗ trợ để phấn đấu đến năm 2020 không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn Trung ương trên địa bàn tỉnh.

– Tích cực triển khai các chính sách về công tác y tế, dân số, phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới. Chủ động phòng chống dịch bệnh, tăng cường các hoạt động nâng cao sức khoẻ, đẩy mạnh hoạt động cung ứng dịch vụ tầm soát, phát hiện sớm bệnh tật. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, tăng sự hài lòng của người dân. Đẩy mạnh thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, đảm bảo cung cấp thuốc kịp thời.

– Tiếp tục đào tạo nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân. Thúc đẩy xã hội hóa trong y tế, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển. Tăng cường cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng; quản lý phòng khám tư nhân; phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm vi phạm.

– Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và văn hóa dân tộc, dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hóa; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh" và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng tự do tôn giáo, tín ngưỡng, các vấn đề văn hóa,... để xuyên tạc, chống phá chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp.

6. Tăng cường về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2020, trên cơ sở đó xây dựng định hướng giai đoạn 2021 – 2025, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ban hành quy định phân công trách nhiệm, phân cấp quản lý, bảo vệ tài nguyên và quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các bệnh viện, bãi rác, cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc.

Xử lý nghiêm cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; kiểm soát chặt chẽ cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và các nguồn xả thải; tập trung xử lý rác thải đô thị, nông thôn, nhân rộng mô hình xử lý rác thải hiệu quả, bền vững.

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, giai đoạn 2018 - 2022 và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kể cả thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, gắn với chất lượng kết luận thanh tra; đẩy mạnh công tác xử lý sau thanh tra.

Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Đẩy nhanh tiến độ giải quyết khiếu nại, tố cáo, khắc phục tình trạng giải quyết quá hạn luật định, nội dung giải quyết không chặt chẽ; tiếp tục tổ chức thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, không để tồn đọng kéo dài.

Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc,

vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng. Thực hiện tốt các quy định mới của Luật Phòng chống tham nhũng.

Tăng cường giáo dục liêm chính, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng. Tập trung hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện tốt các tiêu chí trong Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN đối với UBND cấp tỉnh của Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành[8].

8. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; xây dựng Chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình đột phá về cải cách hành chính, giai đoạn 2016- 2020, gắn chặt chẽ với xây dựng chính quyền điện tử. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Khẩn trương xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành kinh tế, xã hội tập trung theo Thông báo kết luận số 231/TBKL-BCDXDCQDT ngày 05/7/2019 của Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử.

Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đã được phê duyệt.

Thực hiện có hiệu quả công tác sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh. Thắt chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường liêm chính, sáng tạo, nâng cao hiệu quả công vụ, thay đổi thái độ làm việc phục vụ lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

Duy trì hiệu quả hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan nhà nước: phần mềm văn phòng điện tử (eGov), phần mềm một cửa điện tử. Đảm bảo 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết thực hiện qua Trung tâm Hành chính công của tỉnh.

Thực hiện các giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh *(PCI)*, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh *(PAR)*. Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh,

---

[8] Đây là nội dung có tính chất bao trùm tất cả các hoạt động phòng chống tham nhũng theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử của tỉnh trong giải quyết thủ tục hành chính.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

Tiếp tục củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong Đấu tranh phòng ngừa, kéo giảm tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, cho vay nặng lãi, bảo kê, đòi nợ thuê kiểu xã hội đen. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 07/5/2019 về thực hiện Dự án "Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy tại xã, phường, thị trấn" giai đoạn 2019 – 2020. Ban hành Dự án đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy Tây Ninh (giai đoạn 2).

Đẩy mạnh triển khai hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tăng cường và giữ vững mối quan hệ, hoà bình, hữu nghị hợp tác phát triển với các tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia. Duy trì sơ kết thỏa thuận hợp tác với các tỉnh giáp biên và mở rộng thỏa thuận hợp tác với các tỉnh, thành phố nội địa Campuchia. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 19/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tiếp tục triển khai công tác vẽ, phân giới cắm mốc tại 7 vị trí từ 139 đến 145 khi có chỉ đạo của Ủy ban biên giới quốc gia – Bộ Ngoại giao. Trước mắt quản lý song phương hiện trạng tại 7 điểm trên và giám sát việc làm đường tuần tra biên giới của phía Campuchia.

Tổ chức Lễ công bố công nhận cửa khẩu phụ Tân Nam lên thành cửa khẩu quốc tế. Quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông, bến bãi, kết nối đến các cửa khẩu phụ, đường mòn, lối mở để phục vụ công tác phát triển biên mậu, giao thương hàng hóa.

10. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Đa dạng hóa hình

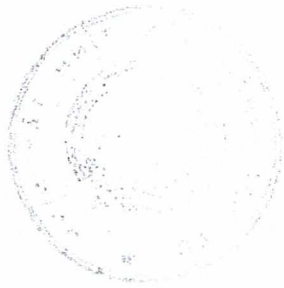
thức phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm tạo chuyển biến trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật. Đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, thông tin xấu, độc, lợi dụng mạng xã hội chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2019 và Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2020 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- TVCP phụ trách TN;
- TT/TU tỉnh;
- TT/HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo và CVNC VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT VP.UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc



PHỤ LỤC 1
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH NĂM 2019	Ước TH 2019	So NQ	
					Đạt	Chưa đạt
I	**Chỉ tiêu kinh tế**				7	1
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP - giá so sánh 2010) tăng so với năm trước	%	8% trở lên	8,4	X	
2	GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành	USD	2.900	2.940	X	
3	Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP (giá hiện hành)				X	
	- Nông - lâm - thủy sản	%	23-24	20,8		
	- Công nghiệp - xây dựng	%	41-42	41,1		
	- Dịch vụ *(chưa tính Thuế sản phẩm)*	%	31-32	32,9		
4	Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng	%	từ 4,5% trở lên	0,4		X
5	Giá trị sản xuất công nghiệp tăng	%	từ 14,5% trở lên	16,3	X	
6	Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng	%	từ 6% trở lên	6,3	X	
7	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	8.000	9.366	X	
8	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn so với GRDP	%	35	43	X	
9	Kim ngạch xuất khẩu tăng	%	20	-5	(*)	
10	Kim ngạch nhập khẩu tăng	%	20	15,0	(*)	
II	**Chỉ tiêu văn hóa - xã hội**				7	
11	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	0,5	0,85	X	
12	Số lao động có việc làm tăng thêm	Người	17.000	17.500	X	
13	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	68,0	68,0	X	
14	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	dưới 1	0,64	X	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH NĂM 2019	Ước TH 2019	So NQ	
					Đạt	Chưa đạt
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	11,0	11,0	X	
16	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân				X	
	- Số bác sĩ	bác sĩ	6,8	7,2	X	
	- Số giường bệnh viện	giường	21,0	21,0	X	
17	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	85,5	85,5	X	
III	**Chỉ tiêu môi trường**				5	
18	Tỷ lệ hộ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	100	100	X	
19	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	97,9	98,84	X	
20	Tỷ lệ che phủ của rừng (bao gồm độ che phủ của cây cao su)	%	42,3	40,3	X	
	Trong đó: Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su)	*%*	*16,3*	*16,3*	*X*	
21	Tỷ lệ các cơ sở y tế, khu công nghiệp, khu chế xuất xử lý chất thải rắn, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	%	100	100	X	
22	Tỷ lệ đô thị xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia				(*)	
	+ Chất thải rắn	%	100	100		
	+ Nước thải	%	22,22	11,11		
23	Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	%	100	100	X	

Ghi chú:
(*) Thực hiện đánh giá vào cuối giai đoạn

PHỤ LỤC 2

BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							ƯTH 2019 / KH 2019	ƯTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
I	**TỔNG SẢN PHẨM XÃ HỘI (GRDP)**								
1	**Tổng GRDP (Giá so sánh 2010)**	Tỷ đồng	**51.997**	**55.500**	**56.371**	**60.860**	**101,6**	**108,4**	**108,0**
	Nông - lâm - thủy sản	"	13.087	13.300	13.135	13.300	98,8	100,4	101,3
	Công nghiệp - Xây dựng	"	19.117	22.250	22.044	25.100	99,1	115,3	113,9
	- Công nghiệp	"	16.239	*19.250*	18.881	*21.700*	*98,1*	*116,3*	*114,9*
	- Xây dựng	"	2.878	*3.000*	3.164	*3.400*	*105,5*	*109,9*	*107,5*
	Dịch vụ	"	17.165	17.800	18.272	19.400	102,7	106,4	106,2
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm		2.629	2.150	2.919	3.060	135,8	111,1	104,8
	*** Cơ cấu GRDP - Giá so sánh 2010**								
	Nông - lâm - thủy sản	%	25,2	24,0	23,3	21,9			
	Công nghiệp - Xây dựng	"	36,8	40,1	39,1	41,2			
	Dịch vụ	"	33,1	32,2	32,5	32,0			
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	"	5,1	3,9	5,2	5,0			
2	**Tổng GRDP (Giá hiện hành)**	Tỷ đồng	**70.982**	**77.000**	**79.507**	**89.900**	**103,3**	**112,0**	**113,1**
	Nông - lâm - thủy sản	"	15.818	17.600	16.554	17.300	94,1	104,6	104,5
	Công nghiệp - Xây dựng	"	27.653	31.900	32.675	39.200	102,4	118,2	120,0
	- Công nghiệp	"	23.634	*27.500*	*28.159*	*34.000*	*102,4*	*119,1*	*120,7*

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							ƯTH 2019 / KH 2019	ƯTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
	- Xây dựng	"	4.019	*4.400*	*4.517*	*5.200*	*102,6*	*112,4*	*115,1*
	Dịch vụ	"	23.912	24.500	26.159	28.700	106,8	109,4	109,7
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	"	3.599	3.000	4.119	4.700	137,3	114,5	114,1
	*** Cơ cấu GRDP - Giá hiện hành**								
	Nông - lâm - thủy sản	%	22,3	22,9	20,8	19,2			
	Công nghiệp - Xây dựng	"	39,0	41,4	41,1	43,6			
	Dịch vụ	"	33,7	31,8	32,9	31,9			
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	"	5,1	3,9	5,2	5,2			
II	**GRDP bình quân đầu người**								
	- Theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	44,8	48,4	48,2	51,7	99,6	107,6	107,2
	- Theo giá hiện hành	"	61,2	67,1	68,0	76,4	101,3	111,2	112,3
	- Theo USD (giá so sánh 2010)	USD	1.963	2.091	2.084	2.235	99,7	106,2	107,2
	- Theo USD (hiện hành)	"	2.679	2.900	2.940	3.300	101,4	109,7	112,3
III	**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT (giá 2010)**								
	Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	25.913	27.096	26.007	26.788	96,0	100,4	103,0
	Công nghiệp - Xây dựng	"	87.605	99.750	101.190	115.824	101,4	115,5	114,5
	- Công nghiệp	"	*76.621*	*87.800*	*89.109*	*102.476*	*101,5*	*116,3*	*115,0*
	- Xây dựng	"	*10.984*	*11.950*	*12.080*	*13.349*	*101,1*	*110,0*	*110,5*
	Dịch vụ	"	28.903	29.720	30.737	32.735	103,4	106,3	106,5
IV	**NÔNG NGHIỆP**								

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							ƯTH 2019 / KH 2019	ƯTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
	Tổng diện tích gieo trồng	**ha**	**384.393**	**388.390**	**381.523**	**381.110**	**98,2**	**99,3**	**99,9**
	Trong đó:								
	- Cây lúa								
	Diện tích	ha	149.465	143.000	150.223	140.000	105,1	100,5	93,2
	Năng suất	tạ/ha	54,4	55,5	454,2	56,0	818,4	835,1	12,3
	Sản lượng	tấn	812.998	793.650	813.734	784.467	102,5	100,1	96,4
	- Mì								
	Diện tích	ha	49.242	58.500	52.316	62.800	89,4	106,2	120,0
	Năng suất	tạ/ha	315,8	317,5	319,5	323,3	100,6	101,2	101,2
	Sản lượng	tấn	1.555.296	1.857.375	1.671.482	2.030.047	90,0	107,5	121,5
	- Mía								
	Diện tích	ha	14.669	12.500	10.725	7.000	85,8	73,1	65,3
	Năng suất	tạ/ha	771,7	775,5	758,2	783,3	97,8	98,3	103,3
	Sản lượng	tấn	1.132.009	969.375	813.161	548.314	83,9	71,8	67,4
	- Đậu phộng								
	Diện tích	ha	5.529	5.800	4.907	5.900	84,6	88,8	120,2
	Năng suất	tạ/ha	37,3	38,1	36,8	40,0	96,6	98,7	108,7
	Sản lượng	tấn	20.603	22.098	18.043	23.600	81,6	87,6	130,8
	- Cây cao su								
	Diện tích	ha	100.638	97.000	100.058	95.000	103,2	99,4	94,9

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							ƯTH 2019 / KH 2019	ƯTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
	Năng suất	tạ/ha	21,1	21,3		21,5			
	Sản lượng	tấn	191.881	191.168	189.350	196.337	99,0	98,7	103,7
V	**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**	Tỷ đồng	**76.621**	**87.800**	**89.109**	**102.476**	**101,5**	**116,3**	**115,0**
	Trong đó: Các khu, cụm công nghiệp	"	47.308		57.199			120,9	
	Phân theo thành phần kinh tế								
	Khu vực Nhà nước	Tỷ đồng	381		393			103,0	
	Khu vực ngoài nhà nước	"	24.022		24.364			101,4	
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	"	52.217		64.352			123,2	
	Một số ngành sản xuất chủ yếu								
	Bột mì	Tấn	1.256.334		1.231.544			98,0	
	Đường các loại	Tấn	219.381		273.627			124,7	
	Giầy các loại	1000 đôi	73.597		79.983			108,7	
	Quần áo các loại	1000 cái	156.629		169.574			108,3	
	Võ, ruột xe các loại	1000 cái	63.493		73.717			116,1	
	Gạch các loại	1000 viên	667.581		688.606			103,1	
	Clanke Poolan	Tấn	506.935		590.969			116,6	
	Xi măng	Tấn	1.203.916		1.229.541			102,1	
	Điện thương phẩm	Triệu Kwh	3.429		4.123			120,2	
	Nước máy sản xuất	1000 M3	9.533		10.397			109,1	
	Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại không thể tái chế	Triệu Đồng	65.826		70.436			107,0	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							UTH 2019 / KH 2019	UTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
VI	**XUẤT NHẬP KHẨU**								
1	**Kim ngạch xuất khẩu**	**Triệu USD**	**4.177**	**5.093**	**3.968**	**4.444**	**77,9**	**95,0**	**112,0**
2	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	2.989	3.632	3.438		94,7	115,0	-
VII	**TỔNG MỨC BÁN LẺ HH VÀ DTDV**	**Tỷ đồng**	**73.491**		**80.618**			**109,7**	
VIII	**THU - CHI NGÂN SÁCH**								
1	**Tổng thu ngân sách NN trên địa bàn**	"	**7.673**	**8.000**	**9.366**	**10.000**	**117,1**	**122,1**	**106,8**
	- Thu nội địa	"	6.800	7.350	8.000	9.250	108,8	117,6	115,6
	- Thu thuế xuất nhập khẩu	"	859	650	1.366	750	210,2	159,1	54,9
	Trong đó, thu từ hoạt động XSKT	"	*1.552*	*1.515*	*1.570*	*1.700*	*103,6*	*101,1*	108,3
2	**Tổng chi ngân sách NN trên địa bàn**	"	**8.299**	**8.800**	**9.921**	**11.124**	**112,7**	**119,5**	**112,1**
IX	**TỔNG VỐN ĐTPT**	**Tỷ đồng**	**27.857**	**26.927**	**33.962**	**31.465**	**126,1**	**121,9**	**92,6**
	% trong GRDP	*%*	*39,2*	*35,0*	*42,7*	*35,0*			
X	**THU HÚT ĐẦU TƯ**								
	Đăng ký kinh doanh								
	Số doanh nghiệp đăng ký mới	DN	563		657			116,7	
	Số vốn đăng ký mới	Tỷ đồng	4.935		10.439			211,5	
	** Lũy kế tổng số doanh nghiệp của tư nhân trên địa bàn*	DN	5.659		5.684			100,4	
	** Lũy kế vốn đăng ký*	Tỷ đồng	105.404		107.608			102,1	
	Số doanh nghiệp giải thể	DN	201		192			95,5	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							UTH 2019 / KH 2019	UTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
	Số vốn của doanh nghiệp giải thể	Tỷ đồng	932		617			66,1	
2	**Vốn thu hút đầu tư**	Tỷ đồng							
	Vốn thu hút đầu tư trong nước	Tỷ đồng	**14.018**		**4.625**			**33,0**	
*	Số dự án được cấp GCN đầu tư	Dự án	65		26			40,0	
	Vốn đăng ký	Tỷ đồng	10.912		4.897			44,9	
*	Số dự án tăng vốn	Dự án	19		8			42,1	
	Vốn tăng	Tỷ đồng	4.404		645			14,6	
*	Số dự án giảm vốn	Dự án	4		2			50,0	
	Vốn giảm	Tỷ đồng	1.298		917			70,7	
*	Số dự án thu hồi	Dự án	8		19			237,5	
	Vốn thu hồi	Tỷ đồng	656		2.010			306,4	
	* Lũy kế số dự án đầu tư trong nước trên địa bàn	Dự án	515		522			101,4	
	* Vốn đăng ký	Tỷ đồng	71.516		74.186			103,7	
	Vốn thu hút đầu tư nước ngoài	Triệu USD	776		**1.484**			**191,3**	
*	Số dự án được cấp GCN đầu tư	Dự án	30		34			113,3	
	Vốn đăng ký	Triệu USD	453		1.136			250,7	
*	Số dự án tăng vốn	Dự án	30		32			106,7	
	Vốn tăng	Triệu USD	323		390			120,9	
*	Số dự án giảm vốn	Dự án	-		2				

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							ƯTH 2019 / KH 2019	ƯTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
	Vốn giảm	Triệu USD	-		42				
*	Số dự án thu hồi	Dự án	11		4			36,4	
	Vốn thu hồi	Triệu USD	131		11			8,7	
	* Lũy kế tổng số dự án còn hiệu lực	Dự án	291		321			110,3	
	Vốn đăng ký	Triệu USD	5.782		7.255			125,5	
	Góp vốn, mua cổ phần	***lượt***	***7***		***8***			***114,3***	
	Giá trị	triệu USD	31		29			96,3	
	Tổng số dự án thu hút đầu tư trong và ngoài nước	***Dự án***	***95***		***60***			***63,2***	
	- Tổng vốn thu hút đầu tư trong và ngoài nước (đăng ký mới + tăng vốn)	***Triệu USD***	***2.828***		***3.406***			***120,4***	
XI	**CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI**								
1	**Dân số trung bình**	người	**1.160.681**	**1.140.664**	**1.169.165**	**1.177.300**			
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%		dưới 1	0,73	dưới 1			
2	**Lao động - việc làm - xây dựng nhà ĐĐK**								
	Số lao động có việc làm tăng thêm	người	19.943	17.000	17.500	17.000			
	Lao động đi làm việc ở nước ngoài	người	461	450	450	450			
	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	66,3	68,0	68,0	70,0			
	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	0,94	0,5	0,85	0,7			

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							ƯTH 2019 / KH 2019	ƯTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
3	Y tế								
	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân								
	- Số bác sĩ	bác sĩ	6,7	6,8	7,2	7,5			
	- Số giường bệnh viện	giường	19,0	21,0	21,0	25,0			
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn QG về y tế (theo tiêu chuẩn mới)	%	100,0	100,0	100,0	100,0			
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	11,4	11,0	11,0	11,0			
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	81,3	85,5	85,5	90,0			
4	**Giáo dục**								
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình, tốt nghiệp các cấp								
	+ *Tiểu học*	%	100,0	Trên 99,9	99,9	99,9			
	+ *Trung học cơ sở*	"	99,3	99,9	99,0	99,0			
	+ *Trung học phổ thông*	"	97,1	96,2	97,0	97,0			
	- Tỷ lệ tuyển mới năm học								
	+ *Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1*	"	100,0	Trên 99,8	100,0	Trên 99,8			
	+ *Tỷ lệ tuyển mới vào lớp 6*	"	98,50	99,2	99,2	99,3			
	+ *Tỷ lệ tuyển mới vào lớp 10*	"	80,21	76,0	77,7	75,0			
	Tỷ lệ học sinh bỏ học								
	+ *Tiểu học*	"	0,04	Dưới 0,1	0,1	Dưới 0,1			
	+ *Trung học cơ sở*	"	0,96	1,3	1,0	1,0			

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							ƯTH 2019 / KH 2019	ƯTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
	Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia		99,60	99,62	99,62	99,63			
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	36,0	42,0	42,0	53,0			
	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tổng số 80 xã)	%	45,0	52,5	52,5	66,3			
	- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	tiêu chí	14,9	16,1	16,1	16,8			

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2018	KH NĂM 2019	ƯTH NĂM 2019	KH NĂM 2020	SO SÁNH		
							ƯTH 2019 / KH 2019	ƯTH 2019 / TH 2018	KH 2020 / ƯTH 2019
	+ Trung học phổ thông	"	2,4	2,7	2,5	2,5			
	Trường đạt chuẩn quốc gia xây dựng trong năm		21	5	5	6,0			
	Lũy kế số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn		190	195	195	201			
XII	**CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**								
	Tỷ lệ hộ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh		100	100	100	100			
	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	98,8	97,7	98,8	99,0			
	Tỷ lệ che phủ của rừng (bao gồm độ che phủ của cây cao su)	%	41,1	42,3	40,3	39,8			
	Trong đó: Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su)		16,2	16,3	16,3	16,3			
	Tỷ lệ các cơ sở y tế, khu công nghiệp, khu chế xuất xử lý chất thải rắn, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	%	100	100	100	100			
	Tỷ lệ đô thị xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	%							
	+ Chất thải rắn	%	100	100	100	100			
	+ Nước thải	%	11,1	22,2	11,1	50,0			
	Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	%	100	100	100	100			
XIII	**Một số chỉ tiêu khác**								